

Kính gửi: **Các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm**

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm 2025 và kết quả tuyển sinh Khóa 51 Hệ ĐHCQ, Ban Đào tạo trân trọng gửi đến các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm **Thời khóa biểu chính thức học kỳ cuối năm 2025** của khóa sau:

+ Khóa 51 - Hệ ĐHCQ (CT Tiếng Việt; CT TA BP; CT TA TP),

Ban Đào tạo kính đề nghị Quý Thầy/Cô quản lý môn học và Trưởng đơn vị tiếp tục triển khai và hoàn tất đăng ký giảng dạy theo website <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn> với kế hoạch thời gian cụ thể đính kèm theo văn bản này.

Thời khóa biểu chính thức có sự thay đổi so với thời khóa biểu dự kiến về việc hủy, bổ sung, điều chỉnh một số lớp học phần; Ban Đào tạo kính đề nghị các đơn vị đào tạo thông báo cho Quý Thầy/Cô và sinh viên biết, đồng thời thường xuyên truy cập dashboard cá nhân/portal UEH để cập nhật thông tin lịch giảng, lịch học đầy đủ và chính xác nhất.

Nếu có vấn đề gì chưa rõ, xin vui lòng liên hệ về Ban Đào tạo.

Trân trọng,

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- B. TCKHĐT; B.QTHT;
- B.CSNH, B.BĐCL&KSNB;
- TTKT;
- Website B. ĐT;
- Lưu: VT, B.ĐT.

**KT.TRƯỞNG BAN ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**ThS. Võ Thị Tâm**

**ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025**

| <b>GIẢNG ĐƯỜNG</b> | <b>CƠ SỞ</b>                             | <b>ĐỊA CHỈ</b>                                                                                            | <b>GHI CHÚ</b> |
|--------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| GĐ A...            | Cơ sở A                                  | 59C Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh                                             |                |
| GĐ B1...           | Cơ sở B – Khu B1                         | 279 Nguyễn Tri Phương, phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh                                            |                |
| GĐ B2...           | Cơ sở B – Khu B2                         |                                                                                                           |                |
| GĐ C...            | Cơ sở C                                  | 91 Đường 3 tháng 2, phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh                                                |                |
| GĐ E...            | Cơ sở E                                  | 54 Nguyễn Văn Thủ, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh                                                 |                |
| GĐ H...            | Cơ sở H                                  | 1A Hoàng Diệu, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh                                                    |                |
| GĐ V...            | Cơ sở Võ Thị Sáu (Viện Đối mới sáng tạo) | 232/6 Võ Thị Sáu, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh                                                  |                |
| GĐ N1...           | Cơ sở Nguyễn Văn Linh – Khu Hiệu bộ      | Đường Nguyễn Văn Linh, Khu chức năng số 15, Đô thị mới Nam Thành phố, Xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh |                |
| GĐ N2...           | Cơ sở Nguyễn Văn Linh – Khu Giảng đường  |                                                                                                           |                |

**KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIẢNG DẠY**  
(Link thực hiện đăng ký: <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn>)

| KHÓA HỌC       | THỜI GIAN           |                       |                                 | GHI CHÚ                                              |
|----------------|---------------------|-----------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------|
|                | Giảng viên đăng ký  | Quản lý môn học duyệt | Trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt |                                                      |
| + Khóa 51 ĐHCQ | 26/08/25 – 04/09/25 | 05/09/25 – 10/09/25   | 11/09/25                        | Dự kiến thời gian phát hành TKB chính thức: 09/09/25 |

**THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC CÁC KHÓA HỆ ĐHCQ**  
**HỌC KỲ CUỐI NĂM 2025**  
**(Sắp xếp theo Khóa, Ngành, Chuyên ngành)**

**THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 51 HỆ ĐHCQ (HỌC KỲ 1) (CHÍNH THỨC)**

|                                               | THỜI GIAN                                      |
|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|
| Học lý thuyết                                 | 15/09/2025 – 14/12/2025                        |
| Các ngày nghỉ                                 | 20/11/2025                                     |
| Thi kết thúc học phần                         | 15/12/2025 – 21/12/2025                        |
|                                               | <b>Các ngày chủ nhật trong HK đầu năm 2026</b> |
| Dự kiến học Giáo dục quốc phòng (Đợt 1 – K51) | 22/12/2025 – 16/01/2026                        |

**ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỒ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025**

| GIẢNG ĐƯỜNG | CƠ SỞ                                   | ĐỊA CHỈ                                                                                                   | GHI CHÚ |
|-------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| GĐ A...     | Cơ sở A                                 | 59C Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh                                             |         |
| GĐ B1...    | Cơ sở B – Khu B1                        | 279 Nguyễn Tri Phương, phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh                                            |         |
| GĐ B2...    | Cơ sở B – Khu B2                        |                                                                                                           |         |
| GĐ C...     | Cơ sở C                                 | 91 Đường 3 tháng 2, phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh                                                |         |
| GĐ E...     | Cơ sở E                                 | 54 Nguyễn Văn Thủ, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh                                                 |         |
| GĐ H...     | Cơ sở H                                 | 1A Hoàng Diệu, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh                                                    |         |
| GĐ V...     | Cơ sở VTS (Viện ĐMST)                   | 232/6 Võ Thị Sáu, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh                                                  |         |
| GĐ N1...    | Cơ sở Nguyễn Văn Linh – Khu Hiệu bộ     | Đường Nguyễn Văn Linh, Khu chức năng số 15, Đô thị mới Nam Thành phố, Xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh |         |
| GĐ N2...    | Cơ sở Nguyễn Văn Linh – Khu Giảng đường |                                                                                                           |         |

## KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ  
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- Thời gian thi: dự kiến từ 2 – 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **15/12/2025 đến 21/12/2025**; các ngày CN trong **Học kỳ đầu năm 2026**;

**BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 51 ĐHCQ\_Chính thức**

**TRƯỜNG KINH DOANH**

| STT | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH                                   | PHIÊN HIỆU LỚP SV                                                                                                        |                        |                                                |
|-----|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------------------------------|
|     |                                                      | CT_TV                                                                                                                    | CT_TA BP               | CT_TA TP                                       |
| 1   | KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ ICAEW |                                                                                                                          | ICAP01                 |                                                |
| 2   | KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ ACCA  |                                                                                                                          | ACCP01                 |                                                |
| 3   | KẾ TOÁN CÔNG                                         | KO0001                                                                                                                   |                        |                                                |
| 4   | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP                                 | KN0001, KN0002, KN0003, KN0004, KN0005, KN0006, KN0007, KN0008, KN009<br><a href="#">KN010 (Song ngành TH KTDN Thuế)</a> | KNP001, KNP002         | KNF001                                         |
| 5   | KIỂM TOÁN                                            | AU0001, AU0002, AU0003                                                                                                   | AUP001                 | AUF001                                         |
| 6   | CÔNG NGHỆ MARKETING                                  | MT0001                                                                                                                   | MTP001                 |                                                |
| 7   | KINH DOANH QUỐC TẾ                                   | IB0001, IB0002, IB0003, IB0004, IB0005                                                                                   | IBP001, IBP002         | IBF001, IBF002, IBF003, IBF004, IBF005, IBF006 |
| 8   | KINH DOANH THƯƠNG MẠI                                | KM0001, KM0002, KM0003                                                                                                   | KMP001                 | KMF001                                         |
| 9   | LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG                  | LM0001                                                                                                                   | LMP001                 | LMF001                                         |
| 10  | MARKETING                                            | MR0001, MR0002                                                                                                           | MRP001                 | MRF001                                         |
| 11  | KINH DOANH SỐ                                        | DB0001                                                                                                                   | DBP001                 |                                                |
| 12  | QUẢN TRỊ KINH DOANH                                  | BA0001, BA0002, BA0003, BA0004, BA0005, BA0006, BA0007, BA0008, BA0009, BA010, BA011                                     | BAP001, BAP002, BAP003 | ADF001, ADF002, ADF003                         |
| 13  | QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN                                   | QB0001                                                                                                                   | QBP001                 |                                                |
| 14  | BẢO HIỂM                                             | IN0001                                                                                                                   |                        |                                                |
| 15  | ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH                                     | FI0001                                                                                                                   | FIP001                 | FIF001                                         |
| 16  | TÀI CHÍNH                                            | FN0001, FN0002, FN0003, FN0004, FN0005, FN0006                                                                           | FNP001                 | FNF001, FNF002                                 |
| 17  | TÀI CHÍNH QUỐC TẾ                                    | IF0001                                                                                                                   | IFP001                 | IFF001                                         |

| STT | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH                   | PHIÊN HIỆU LỚP SV              |          |          |
|-----|--------------------------------------|--------------------------------|----------|----------|
|     |                                      | CT_TV                          | CT_TA BP | CT_TA TP |
| 18  | QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH  | TS0001, TS0002, TS0003         | TSP001   |          |
| 19  | QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN                   | KS0001                         | KSP001   |          |
| 20  | QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ | SK0001                         | SKP001   |          |
| 21  | NGÂN HÀNG                            | NH0001, NH0002, NH0003, NH0004 | NHP001   | NHF001   |
| 22  | THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN               | TT0001                         | TTP001   |          |
| 23  | TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG (NL QUỐC TẾ)   |                                |          | FBDPF1   |

**BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 51 ĐHCQ\_Chính thức****TRƯỜNG CÔNG NGHỆ - THIẾT KẾ**

| STT | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH                         | PHIÊN HIỆU LỚP SV |          |          |
|-----|--------------------------------------------|-------------------|----------|----------|
|     |                                            | CT_TV             | CT_TA BP | CT_TA TP |
| 24  | AN TOÀN THÔNG TIN                          | CY0001            |          |          |
| 25  | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN                        | IT0001            |          |          |
| 26  | HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ                 | IS0001, IS0002    |          |          |
| 27  | KỸ THUẬT PHẦN MỀM                          | SE0001            |          |          |
| 28  | KHOA HỌC DỮ LIỆU                           | DS0001            |          |          |
| 29  | KHOA HỌC MÁY TÍNH                          | CS0001            |          |          |
| 30  | THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ                         | EE0001, EE0002    | EEP001   |          |
| 31  | TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN | DD0001            | DDP001   | DDF001   |
| 32  | CÔNG NGHỆ NGHỆ THUẬT (Art Tech)            | AT0001            | ATP001   |          |
| 33  | KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH    | SC0001            | SCP001   |          |
| 34  | CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH                        | FE0001            | FEP001   |          |
| 35  | CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO              | TI0001            | TIP001   |          |
| 36  | CÔNG NGHỆ LOGISTICS                        | LT0001            | LTP001   |          |
| 37  | ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO                  | RA0001            | RAP001   |          |
| 38  | ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH VÀ TỰ ĐỘNG HÓA       | IC0001            | ICP001   |          |
| 39  | PHÂN TÍCH DỮ LIỆU                          | DA0001            |          |          |

**BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 51 ĐHCQ\_Chính thức**

**TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC; VIỆN KHOA HỌC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI**

| STT | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH                           | PHIÊN HIỆU LỚP SV      |                |          |
|-----|----------------------------------------------|------------------------|----------------|----------|
|     |                                              | CT_TV                  | CT_TA BP       | CT_TA TP |
| 40  | BẤT ĐỘNG SẢN                                 | RE0001, RE0002         |                |          |
| 41  | KINH DOANH NÔNG NGHIỆP                       | AR0001                 | ARP001         |          |
| 42  | KINH TẾ                                      | ECO001, ECO002         | ECOP01         |          |
| 43  | KINH TẾ ĐẦU TƯ                               | IV0001, IV0002, IV0003 | IVP001, IVP002 |          |
| 44  | QUẢN TRỊ NHÂN LỰC                            | HR0001, HR0002         | HRP001         |          |
| 45  | THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN            | VA0001, VA0002         | VAP001         |          |
| 46  | LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ                      | LQ0001                 | LQP001         |          |
| 47  | LUẬT KINH TẾ                                 | EL0001, EL0002, EL0003 | ELP001         |          |
| 48  | QUẢN LÝ CÔNG                                 | PM0001                 | PMP001         |          |
| 49  | TÀI CHÍNH CÔNG                               | PF0001                 |                |          |
| 50  | THUẾ                                         | TA0001, TA0002         | TAP001         |          |
| 51  | QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG             | HQ0001, HQ0002         | HQP001         |          |
| 52  | QUẢN TRỊ BỀN VỮNG DOANH NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG | SM0001                 |                |          |
| 53  | PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM        | AS0001                 | ASP001         |          |
| 54  | TOÁN TÀI CHÍNH                               | FM0001                 |                |          |
| 55  | THỐNG KÊ KINH DOANH                          | TK0001                 | TKP001         |          |
| 56  | TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI                         | AV0001, AV0002, AV0003 |                |          |
| 57  | KINH TẾ CHÍNH TRỊ                            | CT0001                 |                |          |

**[CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ (ICAEW) KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                                                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------------------------------------------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| ICAEW_Kinh doanh, công nghệ và tài chính (ICAEW CFAB-BTF)        | EN        | 4  | 25C1ACC50722101  | 50       | ICAP01 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-804 | 27/09/25 - 04/10/25 | Hủy     |
|                                                                  |           |    |                  |          |        | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-803 | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
| ICAEW-Phát triển bền vững và đạo đức nghề nghiệp (ICAEW CFAB-SE) | EN        | 4  | 25C1ACC50731001  | 20       | ICAP01 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-804 | 27/09/25 - 04/10/25 | Bổ sung |
|                                                                  |           |    |                  |          |        | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-803 | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
| Khoa học dữ liệu                                                 |           | 2  | 25C1INF50905949  | 50       | ICAP01 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-502 | 04/11/25 - 09/12/25 | Hủy     |
| Nhập môn tâm lý học                                              |           | 2  | 25C1BUS50326439  | 20       | ICAP01 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-407 | 04/11/25 - 11/11/25 | Bổ sung |
|                                                                  |           |    |                  |          |        | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-405 | 18/11/25 - 09/12/25 |         |
| Kỹ năng mềm                                                      |           | 2  | 25C1BUS50309527  | 20       | ICAP01 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-704 | 03/11/25 - 08/12/25 |         |
| Nguyên lý kế toán                                                |           | 3  | 25C1ACC50700104  | 20       | ICAP01 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-411 | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Phát triển bền vững                                              |           | 2  | 25C1ECO50122038  | 20       | ICAP01 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-404 | 07/11/25 - 12/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                                             |           |    | 25C1ADM535018174 | 20       | ICAP01 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                                             |           |    | 25C1ADM535019174 | 20       | ICAP01 | 7   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị                                |           | 3  | 25C1MAT50800137  | 50       | ICAP01 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-406 | 18/09/25 - 13/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                                                    |           | 3  | 25C1MAT50813236  | 20       | ICAP01 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-406 | 18/09/25 - 13/11/25 | Bổ sung |

**[CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ (ACCA) KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------------------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| ACCA_Kinh doanh, công nghệ (ACCA-F1) | EN        | 3  | 25C1ACC50722301  | 50       | ACCP01 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-806 | 11/10/25 - 06/12/25 |         |
| Khoa học dữ liệu                     |           | 2  | 25C1INF50905948  | 50       | ACCP01 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-504 | 03/11/25 - 08/12/25 | Hủy     |
| Nhập môn tâm lý học                  |           | 2  | 25C1BUS50326440  | 50       | ACCP01 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-405 | 03/11/25 - 08/12/25 | Bổ sung |
| Kỹ năng mềm                          |           | 2  | 25C1BUS50309526  | 50       | ACCP01 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-704 | 17/09/25 - 22/10/25 |         |
| Nguyên lý kế toán                    |           | 3  | 25C1ACC50700103  | 50       | ACCP01 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-804 | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Phát triển bền vững                  |           | 2  | 25C1ECO50122037  | 50       | ACCP01 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-704 | 05/11/25 - 10/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                 |           |    | 25C1ADM535018173 | 50       | ACCP01 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                 |           |    | 25C1ADM535019173 | 50       | ACCP01 | 7   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị    |           | 3  | 25C1MAT50800136  | 50       | ACCP01 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-505 | 18/09/25 - 13/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                        |           | 3  | 25C1MAT50813217  | 50       | ACCP01 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-508 | 18/09/25 - 13/11/25 | Bổ sung |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501888 | 50       | KN0001            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501988 | 50       | KN0001            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 25/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315488 | 50       | KN0001            | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | E201   | 10/10/25 - 12/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-109 | 18/11/25 - 25/11/25 |         |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005947 | 50       | KN0001            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-406 | 22/09/25 - 27/10/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100141 | 105      | KN0001,K<br>N0002 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-311 | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100119 | 105      | KN0001,K<br>N0002 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-208 | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800127 | 100      | KN0001,K<br>N0002 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-311 | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813239 | 105      | KN0001,K<br>N0002 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-311 | 15/09/25 - 10/11/25 | Bổ sung |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501889 | 50       | KN0002            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501989 | 50       | KN0002            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 25/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315489 | 50       | KN0002            | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | E401   | 10/10/25 - 12/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-307 | 18/11/25 - 25/11/25 |         |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005948 | 50       | KN0002            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-406 | 03/11/25 - 08/12/25 |         |

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501890 | 50       | KN0003            | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501990 | 50       | KN0003            | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 26/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315490 | 50       | KN0003            | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | E201   | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-212 | 19/11/25 - 26/11/25 |         |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005949 | 50       | KN0003            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-403 | 23/09/25 - 28/10/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100142 | 105      | KN0003,K<br>N0004 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-407 | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100120 | 105      | KN0003,K<br>N0004 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-311 | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800128 | 100      | KN0003,K<br>N0004 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-407 | 16/09/25 - 11/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813240 | 105      | KN0003,K<br>N0004 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-407 | 16/09/25 - 11/11/25 | Bổ sung |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501891 | 50       | KN0004            | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501991 | 50       | KN0004            | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 26/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315491 | 50       | KN0004            | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | E401   | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-307 | 19/11/25 - 26/11/25 |         |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005950 | 50       | KN0004            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-403 | 04/11/25 - 09/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501892 | 50       | KN0005            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501992 | 50       | KN0005            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 27/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315492 | 50       | KN0005            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | E601   | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-310 | 04/12/25 - 11/12/25 |         |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005951 | 50       | KN0005            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-103 | 24/09/25 - 29/10/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100143 | 105      | KN0005,K<br>N0006 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-311 | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100121 | 105      | KN0005,K<br>N0006 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-308 | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800129 | 100      | KN0005,K<br>N0006 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-310 | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813241 | 105      | KN0005,K<br>N0006 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-310 | 17/09/25 - 12/11/25 | Bổ sung |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501893 | 50       | KN0006            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501993 | 50       | KN0006            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 27/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315493 | 50       | KN0006            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | E702   | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-311 | 04/12/25 - 11/12/25 |         |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005952 | 50       | KN0006            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-103 | 05/11/25 - 10/12/25 |         |

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501894 | 50       | KN0007            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501994 | 50       | KN0007            | 6   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 28/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315494 | 50       | KN0007            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | E601   | 07/10/25 - 09/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-208 | 21/11/25 - 28/11/25 |         |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005953 | 50       | KN0007            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-404 | 18/09/25 - 23/10/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100144 | 105      | KN0007,K<br>N0008 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-310 | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100122 | 105      | KN0007,K<br>N0008 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-407 | 20/09/25 - 15/11/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800130 | 100      | KN0007,K<br>N0008 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-407 | 18/09/25 - 13/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813242 | 105      | KN0007,K<br>N0008 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-407 | 18/09/25 - 13/11/25 | Bổ sung |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501895 | 50       | KN0008            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501995 | 50       | KN0008            | 6   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 28/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315495 | 50       | KN0008            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | E702   | 07/10/25 - 09/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-304 | 21/11/25 - 28/11/25 |         |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005954 | 50       | KN0008            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-404 | 30/10/25 - 11/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501896 | 50       | KN0009            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501996 | 50       | KN0009            | 7   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315496 | 50       | KN0009            | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | E601   | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-307 | 22/11/25 - 29/11/25 |         |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005955 | 50       | KN0009            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-302 | 26/09/25 - 31/10/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100145 | 105      | KN0009,K<br>NP001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-407 | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100123 | 105      | KN0009,K<br>NP001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-311 | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800131 | 100      | KN0009,K<br>NP001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-407 | 19/09/25 - 14/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813243 | 105      | KN0009,K<br>NP001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-407 | 19/09/25 - 14/11/25 | Bổ sung |

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501897 | 50       | KNP001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501997 | 50       | KNP001            | 7   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 29/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315497 | 50       | KNP001            | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | E702   | 08/10/25 - 10/12/25 |            |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-310 | 22/11/25 - 29/11/25 |            |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005956 | 50       | KNP001            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-302 | 07/11/25 - 12/12/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501898 | 50       | KNP002            | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501998 | 50       | KNP002            | 2   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 24/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315498 | 50       | KNP002            | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | E601   | 02/10/25 - 11/12/25 |            |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-307 | 17/11/25 - 24/11/25 |            |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005957 | 50       | KNP002            | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-101 | 27/09/25 - 04/10/25 |            |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-412 | 11/10/25 - 01/11/25 |            |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100146 | 105      | KNP002,K<br>N0010 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-408 | 16/09/25 - 11/11/25 |            |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100124 | 105      | KNP002,K<br>N0010 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-407 | 16/09/25 - 11/11/25 |            |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800132 | 100      | KNP002,K<br>NP003 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-407 | 19/09/25 - 14/11/25 | Hủy        |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813244 | 105      | KNP002,K<br>N0010 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-407 | 19/09/25 - 14/11/25 | Bổ sung    |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501899 | 50       | KN0010            | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501999 | 50       | KN0010            | 2   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 24/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315499 | 50       | KN0010            | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-207 | 02/10/25 - 11/12/25 | Đổi ph.học |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-308 | 17/11/25 - 24/11/25 |            |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005958 | 50       | KN0010            | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-403 | 08/11/25 - 13/12/25 | Đổi ph.học |

**[CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế vi mô                     | EN        | 3  | 25C1ECO50109718  | 40       | KNF001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-412 | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Luật kinh doanh                   | EN        | 3  | 25C1LAW51107006  | 40       | KNF001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-802 | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM535018100 | 40       | KNF001 | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM535019100 | 40       | KNF001 | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 26/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG513154100 | 40       | KNF001 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-102 | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
|                                   |           |    |                  |          |        | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-408 | 03/12/25 - 10/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị | EN        | 3  | 25C1MAT50802810  | 50       | KNF001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-803 | 16/09/25 - 11/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     | EN        | 3  | 25C1MAT50813312  | 40       | KNF001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-803 | 16/09/25 - 11/11/25 | Bổ sung |
| Tư duy thiết kế                   | EN        | 2  | 25C1TEC55006222  | 40       | KNF001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-702 | 04/11/25 - 09/12/25 |         |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN CÔNG KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100149  | 48       | KO0001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A201   | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100127  | 48       | KO0001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | A211   | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM535018106 | 48       | KO0001 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM535019106 | 48       | KO0001 | 5   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 27/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG513154106 | 48       | KO0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | H101   | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                                   |           |    |                  |          |        | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | A217   | 04/12/25 - 11/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800135  | 55       | KO0001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | A313   | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813245  | 48       | KO0001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | A313   | 17/09/25 - 12/11/25 | Bổ sung |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005963  | 48       | KO0001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A211   | 05/11/25 - 10/12/25 |         |

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|------------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM535018101 | 50       | AU0001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM535019101 | 50       | AU0001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 25/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG513154101 | 50       | AU0001            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | E601   | 10/10/25 - 12/12/25 |         |
|                                   |           |    |                  |          |                   | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-208 | 18/11/25 - 25/11/25 |         |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005959  | 50       | AU0001            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-410 | 22/09/25 - 27/10/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100147  | 100      | AU0001,A<br>U0002 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-311 | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100125  | 100      | AU0001,A<br>U0002 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-408 | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800133  | 90       | AU0001,A<br>U0002 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-212 | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813218  | 100      | AU0001,A<br>U0002 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-407 | 15/09/25 - 10/11/25 | Bổ sung |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM535018102 | 50       | AU0002            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM535019102 | 50       | AU0002            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 25/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG513154102 | 50       | AU0002            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | E702   | 10/10/25 - 12/12/25 |         |
|                                   |           |    |                  |          |                   | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-211 | 18/11/25 - 25/11/25 |         |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005960  | 50       | AU0002            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-410 | 03/11/25 - 08/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM535018103 | 30       | AUP001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM535019103 | 30       | AUP001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 26/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG513154103 | 30       | AUP001            | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | E302   | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
|                                   |           |    |                  |          |                   | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-307 | 03/12/25 - 10/12/25 |         |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005961  | 30       | AUP001            | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-305 | 23/09/25 - 28/10/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100148  | 90       | AUP001,A<br>U0003 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-408 | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100126  | 90       | AUP001,A<br>U0003 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-408 | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800134  | 90       | AUP001,A<br>UP002 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-212 | 16/09/25 - 11/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813219  | 90       | AUP001,A<br>U0003 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-212 | 16/09/25 - 11/11/25 | Bổ sung |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM535018104 | 50       | AU0003            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM535019104 | 50       | AU0003            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 26/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG513154104 | 50       | AU0003            | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | E401   | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
|                                   |           |    |                  |          |                   | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-308 | 03/12/25 - 10/12/25 |         |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005962  | 50       | AU0003            | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-305 | 04/11/25 - 09/12/25 |         |

**[CT TA TP] NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-----------------------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Kinh tế vi mô                     | EN        | 3  | 25C1ECO50109719  | 45       | AUF001 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-104 | 20/09/25 - 15/11/25 |            |
| Luật kinh doanh                   | EN        | 3  | 25C1LAW51107007  | 45       | AUF001 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-411 | 20/09/25 - 15/11/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM535018105 | 45       | AUF001 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM535019105 | 45       | AUF001 | 6   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 28/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG513154105 | 45       | AUF001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-408 | 07/10/25 - 09/12/25 | Đổi ph.học |
|                                   |           |    |                  |          |        | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-405 | 05/12/25 - 12/12/25 |            |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị | EN        | 3  | 25C1MAT50802811  | 45       | AUF001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-803 | 18/09/25 - 13/11/25 | Hủy        |
| Toán ứng dụng                     | EN        | 3  | 25C1MAT50813305  | 45       | AUF001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-803 | 18/09/25 - 13/11/25 | Bổ sung    |
| Tư duy thiết kế                   | EN        | 2  | 25C1TEC55006223  | 45       | AUF001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-405 | 30/10/25 - 11/12/25 |            |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ MARKETING KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ MARKETING KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Marketing căn bản                   |           | 3  | 25C1MAR50300113 | 40       | MT0001            | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | A315   | 11/10/25 - 06/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                |           |    | 25C1ADM53501883 | 40       | MT0001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                |           |    | 25C1ADM53501983 | 40       | MT0001            | 6   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 28/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát                 |           | 4  | 25C1ENG51315483 | 40       | MT0001            | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | E202   | 07/10/25 - 09/12/25 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                   | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | A212   | 05/12/25 - 12/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô                       |           | 3  | 25C1ECO50100138 | 80       | MT0001,M<br>TP001 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | A302   | 20/09/25 - 15/11/25 |         |
| Luật kinh doanh                     |           | 3  | 25C1LAW51100118 | 80       | MT0001,M<br>TP001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | A217   | 02/10/25 - 04/12/25 |         |
| Thống kê ứng dụng trong<br>Kế và KD |           | 3  | 25C1STA50800510 | 80       | MT0001,M<br>TP001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | A217   | 18/09/25 - 13/11/25 | Hủy     |
| Thống kê ứng dụng                   |           | 3  | 25C1MAT50813417 | 80       | MT0001,M<br>TP001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | A217   | 18/09/25 - 13/11/25 | Bổ sung |
| Marketing căn bản                   | EN        | 3  | 25C1BUS50307013 | 40       | MTP001            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A210   | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                |           |    | 25C1ADM53501884 | 40       | MTP001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                |           |    | 25C1ADM53501984 | 40       | MTP001            | 6   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 28/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát                 |           | 4  | 25C1ENG51315484 | 40       | MTP001            | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | E302   | 07/10/25 - 09/12/25 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                   | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | A303   | 05/12/25 - 12/12/25 |         |

**[CT TV] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV        | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Marketing căn bản                 |           | 3  | 25C1MAR50300103 | 50       | IB0001        | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-801 | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501861 | 50       | IB0001        | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501961 | 50       | IB0001        | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 25/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315461 | 50       | IB0001        | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | H001   | 10/10/25 - 12/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |               | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-208 | 18/11/25 - 25/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100129 | 100      | IB0001,IB0002 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-308 | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD |           | 3  | 25C1STA50800501 | 100      | IB0001,IB0002 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-310 | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy     |
| Thống kê ứng dụng                 |           | 3  | 25C1MAT50813406 | 100      | IB0001,IB0002 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-310 | 15/09/25 - 10/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002336 | 100      | IB0001,IB0002 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-308 | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Marketing căn bản                 |           | 3  | 25C1MAR50300104 | 50       | IB0002        | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-706 | 02/10/25 - 04/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501862 | 50       | IB0002        | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501962 | 50       | IB0002        | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 25/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315462 | 50       | IB0002        | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | H204   | 10/10/25 - 12/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |               | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-211 | 18/11/25 - 25/11/25 |         |
| Marketing căn bản                 |           | 3  | 25C1MAR50300105 | 50       | IB0003        | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-804 | 02/10/25 - 04/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501863 | 50       | IB0003        | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501963 | 50       | IB0003        | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 26/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315463 | 50       | IB0003        | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | H001   | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |               | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-207 | 19/11/25 - 26/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100130 | 100      | IB0003,IB0004 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-310 | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD |           | 3  | 25C1STA50800502 | 100      | IB0003,IB0004 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-311 | 16/09/25 - 11/11/25 | Hủy     |
| Thống kê ứng dụng                 |           | 3  | 25C1MAT50813407 | 100      | IB0003,IB0004 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-311 | 16/09/25 - 11/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002337 | 100      | IB0003,IB0004 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-311 | 16/09/25 - 11/11/25 |         |
| Marketing căn bản                 |           | 3  | 25C1MAR50300106 | 50       | IB0004        | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-404 | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501864 | 50       | IB0004        | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501964 | 50       | IB0004        | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 26/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315464 | 50       | IB0004        | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | H204   | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |               | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-211 | 19/11/25 - 26/11/25 |         |

| TÊN HỌC PHẦN                        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Marketing căn bản                   |           | 3  | 25C1MAR50300107 | 50       | IB0005            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-104 | 10/10/25 - 05/12/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                |           |    | 25C1ADM53501865 | 50       | IB0005            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                |           |    | 25C1ADM53501965 | 50       | IB0005            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 27/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát                 |           | 4  | 25C1ENG51315465 | 50       | IB0005            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | H001   | 06/10/25 - 08/12/25 |            |
|                                     |           |    |                 |          |                   | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-212 | 04/12/25 - 11/12/25 |            |
| Kinh tế vi mô                       |           | 3  | 25C1ECO50100131 | 100      | IB0005,IBP<br>001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-308 | 19/09/25 - 14/11/25 |            |
| Thống kê ứng dụng trong<br>Kế và KD |           | 3  | 25C1STA50800503 | 100      | IB0005,IBP<br>001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-308 | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy        |
| Thống kê ứng dụng                   |           | 3  | 25C1MAT50813408 | 100      | IB0005,IBP<br>001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-308 | 17/09/25 - 12/11/25 | Bổ sung    |
| Triết học Mác Lênin                 |           | 3  | 25C1PHI51002338 | 100      | IB0005,IBP<br>001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-310 | 17/09/25 - 12/11/25 |            |
| Marketing căn bản                   | EN        | 3  | 25C1BUS50307001 | 50       | IBP001            | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-103 | 11/10/25 - 06/12/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                |           |    | 25C1ADM53501866 | 50       | IBP001            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                |           |    | 25C1ADM53501966 | 50       | IBP001            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 27/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát                 |           | 4  | 25C1ENG51315466 | 50       | IBP001            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | H204   | 06/10/25 - 08/12/25 |            |
|                                     |           |    |                 |          |                   | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-307 | 04/12/25 - 11/12/25 |            |
| Marketing căn bản                   | EN        | 3  | 25C1BUS50307002 | 50       | IBP002            | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-411 | 10/10/25 - 05/12/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                |           |    | 25C1ADM53501867 | 50       | IBP002            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                |           |    | 25C1ADM53501967 | 50       | IBP002            | 7   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 29/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát                 |           | 4  | 25C1ENG51315467 | 50       | IBP002            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | H001   | 07/10/25 - 09/12/25 |            |
|                                     |           |    |                 |          |                   | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-108 | 21/11/25 - 28/11/25 |            |
| Kinh tế vi mô                       |           | 3  | 25C1ECO50100132 | 100      | IBP002            | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-403 | 20/09/25 - 15/11/25 | Đổi ph.học |
| Thống kê ứng dụng trong<br>Kế và KD |           | 3  | 25C1STA50800504 | 100      | IBP002,IBP<br>003 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-310 | 18/09/25 - 13/11/25 | Hủy        |
| Thống kê ứng dụng                   |           | 3  | 25C1MAT50813409 | 100      | IBP002            | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-310 | 18/09/25 - 13/11/25 | Bổ sung    |
| Triết học Mác Lênin                 |           | 3  | 25C1PHI51002339 | 100      | IBP002            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-311 | 18/09/25 - 13/11/25 |            |
| Marketing căn bản                   | EN        | 3  | 25C1BUS50307003 | 50       | IBP003            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-305 | 08/10/25 - 03/12/25 | Hủy        |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                |           |    | 25C1ADM53501868 | 50       | IBP003            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            | Hủy        |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                |           |    | 25C1ADM53501968 | 50       | IBP003            | 6   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 28/11/25            | Hủy        |
| Tiếng Anh tổng quát                 |           | 4  | 25C1ENG51315468 | 50       | IBP003            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | H204   | 07/10/25 - 09/12/25 | Hủy        |
|                                     |           |    |                 |          |                   | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-207 | 21/11/25 - 28/11/25 |            |

**CT TA TP] NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế vi mô                                 | EN        | 3  | 25C1ECO50109710 | 50       | IBF001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-409 | 09/10/25 - 11/12/25 |         |
| Marketing căn bản                             | EN        | 3  | 25C1BUS50307004 | 50       | IBF001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-509 | 09/10/25 - 11/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                          |           |    | 25C1ADM53501869 | 50       | IBF001 | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                          |           |    | 25C1ADM53501969 | 50       | IBF001 | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 26/11/25            |         |
| Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh | EN        | 3  | 25C1STA50802901 | 50       | IBF001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-804 | 16/09/25 - 11/11/25 | Hủy     |
| Thống kê ứng dụng                             | EN        | 3  | 25C1MAT50813501 | 50       | IBF001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-804 | 16/09/25 - 11/11/25 | Bổ sung |
| Tiếng Anh tổng quát                           |           | 4  | 25C1ENG51315469 | 50       | IBF001 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-505 | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
|                                               |           |    |                 |          |        | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-405 | 03/12/25 - 10/12/25 |         |
| Triết học Mác Lênin                           |           | 3  | 25C1PHI51002340 | 50       | IBF001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-409 | 16/09/25 - 11/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô                                 | EN        | 3  | 25C1ECO50109711 | 50       | IBF002 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-807 | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Marketing căn bản                             | EN        | 3  | 25C1BUS50307005 | 50       | IBF002 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-806 | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                          |           |    | 25C1ADM53501870 | 50       | IBF002 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                          |           |    | 25C1ADM53501970 | 50       | IBF002 | 5   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 27/11/25            |         |
| Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh | EN        | 3  | 25C1STA50802902 | 50       | IBF002 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-408 | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy     |
| Thống kê ứng dụng                             | EN        | 3  | 25C1MAT50813502 | 50       | IBF002 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-408 | 17/09/25 - 12/11/25 | Bổ sung |
| Tiếng Anh tổng quát                           |           | 4  | 25C1ENG51315470 | 50       | IBF002 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-408 | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                                               |           |    |                 |          |        | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-701 | 04/12/25 - 11/12/25 |         |
| Triết học Mác Lênin                           |           | 3  | 25C1PHI51002341 | 50       | IBF002 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-408 | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô                                 | EN        | 3  | 25C1ECO50109712 | 50       | IBF003 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-707 | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Marketing căn bản                             | EN        | 3  | 25C1BUS50307006 | 50       | IBF003 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-804 | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                          |           |    | 25C1ADM53501871 | 50       | IBF003 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                          |           |    | 25C1ADM53501971 | 50       | IBF003 | 6   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 28/11/25            |         |
| Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh | EN        | 3  | 25C1STA50802903 | 50       | IBF003 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-806 | 18/09/25 - 13/11/25 | Hủy     |
| Thống kê ứng dụng                             | EN        | 3  | 25C1MAT50813503 | 50       | IBF003 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-806 | 18/09/25 - 13/11/25 | Bổ sung |
| Tiếng Anh tổng quát                           |           | 4  | 25C1ENG51315471 | 50       | IBF003 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-803 | 07/10/25 - 09/12/25 |         |
|                                               |           |    |                 |          |        | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-403 | 05/12/25 - 12/12/25 |         |
| Triết học Mác Lênin                           |           | 3  | 25C1PHI51002342 | 50       | IBF003 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-806 | 18/09/25 - 13/11/25 |         |

| TÊN HỌC PHẦN                                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế vi mô                                 | EN        | 3  | 25C1ECO50109713 | 50       | IBF004 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-702 | 09/10/25 - 11/12/25 |         |
| Marketing căn bản                             | EN        | 3  | 25C1BUS50307007 | 50       | IBF004 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-404 | 09/10/25 - 11/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                          |           |    | 25C1ADM53501872 | 50       | IBF004 | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                          |           |    | 25C1ADM53501972 | 50       | IBF004 | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 26/11/25            |         |
| Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh | EN        | 3  | 25C1STA50802904 | 50       | IBF004 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-708 | 16/09/25 - 11/11/25 | Hủy     |
| Thống kê ứng dụng                             | EN        | 3  | 25C1MAT50813504 | 50       | IBF004 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-404 | 15/09/25 - 10/11/25 | Bổ sung |
| Tiếng Anh tổng quát                           |           | 4  | 25C1ENG51315472 | 50       | IBF004 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-804 | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
|                                               |           |    |                 |          |        | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-407 | 19/11/25 - 26/11/25 |         |
| Triết học Mác Lênin                           |           | 3  | 25C1PHI51002343 | 50       | IBF004 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-701 | 16/09/25 - 11/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô                                 | EN        | 3  | 25C1ECO50109714 | 50       | IBF005 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-702 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Marketing căn bản                             | EN        | 3  | 25C1BUS50307008 | 50       | IBF005 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-804 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                          |           |    | 25C1ADM53501873 | 50       | IBF005 | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                          |           |    | 25C1ADM53501973 | 50       | IBF005 | 2   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 24/11/25            |         |
| Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh | EN        | 3  | 25C1STA50802905 | 50       | IBF005 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-701 | 20/09/25 - 15/11/25 | Hủy     |
| Thống kê ứng dụng                             | EN        | 3  | 25C1MAT50813505 | 50       | IBF005 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-701 | 20/09/25 - 15/11/25 | Bổ sung |
| Tiếng Anh tổng quát                           |           | 4  | 25C1ENG51315473 | 50       | IBF005 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-703 | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                                               |           |    |                 |          |        | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-409 | 24/11/25 - 01/12/25 |         |
| Triết học Mác Lênin                           |           | 3  | 25C1PHI51002344 | 50       | IBF005 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-702 | 20/09/25 - 15/11/25 |         |

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế vi mô        | EN        | 3  | 25C1ECO50109722  | 45       | IBF006 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-708 | 08/10/25 - 03/12/25 | Bổ sung |
| Marketing căn bản    | EN        | 3  | 25C1BUS50307018  | 45       | IBF006 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-505 | 08/10/25 - 03/12/25 | Bổ sung |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018176 | 45       | IBF006 | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            | Bổ sung |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019176 | 45       | IBF006 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 25/11/25            | Bổ sung |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154165 | 45       | IBF006 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-806 | 10/10/25 - 12/12/25 | Bổ sung |
|                      |           |    |                  |          |        | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-407 | 02/12/25 - 09/12/25 |         |
| Thống kê ứng dụng    | EN        | 3  | 25C1MAT50813509  | 45       | IBF006 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-411 | 15/09/25 - 10/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin  |           | 3  | 25C1PHI51002379  | 45       | IBF006 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-701 | 15/09/25 - 10/11/25 | Bổ sung |

**[CT TV] NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Marketing căn bản                   |           | 3  | 25C1MAR50300108 | 47       | KM0001            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-405 | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                |           |    | 25C1ADM53501874 | 47       | KM0001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                |           |    | 25C1ADM53501974 | 47       | KM0001            | 7   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát                 |           | 4  | 25C1ENG51315474 | 47       | KM0001            | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | H001   | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                   | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-207 | 22/11/25 - 29/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô                       |           | 3  | 25C1ECO50100133 | 94       | KM0001,K<br>M0002 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-212 | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Thống kê ứng dụng trong<br>Kế và KD |           | 3  | 25C1STA50800505 | 90       | KM0001,K<br>M0002 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-310 | 19/09/25 - 14/11/25 | Hủy     |
| Thống kê ứng dụng                   |           | 3  | 25C1MAT50813410 | 94       | KM0001,K<br>M0002 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-310 | 19/09/25 - 14/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin                 |           | 3  | 25C1PHI51002345 | 94       | KM0001,K<br>M0002 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-307 | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Marketing căn bản                   |           | 3  | 25C1MAR50300109 | 47       | KM0002            | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-403 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                |           |    | 25C1ADM53501875 | 47       | KM0002            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                |           |    | 25C1ADM53501975 | 47       | KM0002            | 7   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát                 |           | 4  | 25C1ENG51315475 | 47       | KM0002            | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | H204   | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                   | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-208 | 22/11/25 - 29/11/25 |         |
| Marketing căn bản                   |           | 3  | 25C1MAR50300110 | 47       | KM0003            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-101 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                |           |    | 25C1ADM53501876 | 47       | KM0003            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                |           |    | 25C1ADM53501976 | 47       | KM0003            | 2   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 24/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát                 |           | 4  | 25C1ENG51315476 | 47       | KM0003            | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | H001   | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                   | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-307 | 01/12/25 - 08/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô                       |           | 3  | 25C1ECO50100134 | 92       | KM0003,K<br>MP001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-212 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Thống kê ứng dụng trong<br>Kế và KD |           | 3  | 25C1STA50800506 | 90       | KM0003,K<br>MP001 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-408 | 20/09/25 - 15/11/25 | Hủy     |
| Thống kê ứng dụng                   |           | 3  | 25C1MAT50813411 | 92       | KM0003,K<br>MP001 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-408 | 20/09/25 - 15/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin                 |           | 3  | 25C1PHI51002346 | 92       | KM0003,K<br>MP001 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-311 | 20/09/25 - 15/11/25 |         |
| Marketing căn bản                   | EN        | 3  | 25C1BUS50307009 | 30       | KMP001            | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-403 | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                |           |    | 25C1ADM53501877 | 30       | KMP001            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                |           |    | 25C1ADM53501977 | 30       | KMP001            | 2   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 24/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát                 |           | 4  | 25C1ENG51315477 | 30       | KMP001            | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | H204   | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                                     |           |    |                 |          |                   | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-308 | 01/12/25 - 08/12/25 |         |

**[CT TA TP] NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế vi mô                                 | EN        | 3  | 25C1ECO50109715 | 45       | KMF001 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-703 | 11/10/25 - 06/12/25 |         |
| Marketing căn bản                             | EN        | 3  | 25C1BUS50307010 | 45       | KMF001 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-702 | 11/10/25 - 06/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                          |           |    | 25C1ADM53501878 | 45       | KMF001 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                          |           |    | 25C1ADM53501978 | 45       | KMF001 | 6   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 28/11/25            |         |
| Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh | EN        | 3  | 25C1STA50802906 | 45       | KMF001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-509 | 18/09/25 - 13/11/25 | Hủy     |
| Thống kê ứng dụng                             | EN        | 3  | 25C1MAT50813506 | 45       | KMF001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-509 | 18/09/25 - 13/11/25 | Bổ sung |
| Tiếng Anh tổng quát                           |           | 4  | 25C1ENG51315478 | 45       | KMF001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-703 | 07/10/25 - 09/12/25 |         |
|                                               |           |    |                 |          |        | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-405 | 05/12/25 - 12/12/25 |         |
| Triết học Mác Lênin                           |           | 3  | 25C1PHI51002347 | 45       | KMF001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-703 | 19/09/25 - 14/11/25 |         |

**[CT TV] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100139 | 45       | LM0001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A314   | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Marketing căn bản                 |           | 3  | 25C1MAR50300114 | 45       | LM0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A210   | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501885 | 45       | LM0001 | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501985 | 45       | LM0001 | 7   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Thông kê ứng dụng trong Ktế và KD |           | 3  | 25C1STA50800511 | 45       | LM0001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A210   | 19/09/25 - 14/11/25 | Hủy     |
| Thông kê ứng dụng                 |           | 3  | 25C1MAT50813412 | 45       | LM0001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A210   | 19/09/25 - 14/11/25 | Bổ sung |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315485 | 45       | LM0001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | H101   | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |        | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | A302   | 06/12/25 - 13/12/25 |         |
| Triết học Mác LêNin               |           | 3  | 25C1PHI51002352 | 45       | LM0001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | A303   | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100140 | 25       | LMP001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | A303   | 16/09/25 - 11/11/25 |         |
| Marketing căn bản                 | EN        | 3  | 25C1BUS50307014 | 25       | LMP001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | A210   | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501886 | 25       | LMP001 | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501986 | 25       | LMP001 | 2   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 24/11/25            |         |
| Thông kê ứng dụng trong Ktế và KD |           | 3  | 25C1STA50800512 | 45       | LMP001 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-103 | 20/09/25 - 15/11/25 | Hủy     |
| Thông kê ứng dụng                 |           | 3  | 25C1MAT50813413 | 25       | LMP001 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-103 | 20/09/25 - 15/11/25 | Bổ sung |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315486 | 25       | LMP001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | H001   | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |        | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A217   | 01/12/25 - 08/12/25 |         |
| Triết học Mác LêNin               |           | 3  | 25C1PHI51002353 | 25       | LMP001 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-404 | 20/09/25 - 15/11/25 |         |

**[CT TA TP] NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế vi mô                                 | EN        | 3  | 25C1ECO50109717 | 52       | LMF001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-707 | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Marketing căn bản                             | EN        | 3  | 25C1BUS50307015 | 52       | LMF001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-802 | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                          |           |    | 25C1ADM53501887 | 52       | LMF001 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                          |           |    | 25C1ADM53501987 | 52       | LMF001 | 5   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 27/11/25            |         |
| Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh | EN        | 3  | 25C1STA50802908 | 45       | LMF001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-509 | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy     |
| Thống kê ứng dụng                             | EN        | 3  | 25C1MAT50813507 | 52       | LMF001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-509 | 17/09/25 - 12/11/25 | Bổ sung |
| Tiếng Anh tổng quát                           |           | 4  | 25C1ENG51315487 | 52       | LMF001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-801 | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                                               |           |    |                 |          |        | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-407 | 04/12/25 - 11/12/25 |         |
| Triết học Mác Lênin                           |           | 3  | 25C1PHI51002354 | 52       | LMF001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-409 | 17/09/25 - 12/11/25 |         |

**[CT TV] NGÀNH MARKETING KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH MARKETING KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD      | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|---------|---------------------|---------|
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100135 | 46       | MR0001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.03) | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Marketing căn bản                 |           | 3  | 25C1MAR50300111 | 46       | MR0001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.03) | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501879 | 46       | MR0001 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501979 | 46       | MR0001 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 25/11/25            |         |
| Thông kê ứng dụng trong Ktế và KD |           | 3  | 25C1STA50800507 | 45       | MR0001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(0.02) | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy     |
| Thông kê ứng dụng                 |           | 3  | 25C1MAT50813414 | 46       | MR0001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(0.02) | 15/09/25 - 10/11/25 | Bổ sung |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315479 | 46       | MR0001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(0.02) | 10/10/25 - 12/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |        | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-207  | 18/11/25 - 25/11/25 |         |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002348 | 46       | MR0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(0.02) | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100136 | 46       | MR0002 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(0.02) | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Marketing căn bản                 |           | 3  | 25C1MAR50300112 | 46       | MR0002 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(0.02) | 02/10/25 - 04/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501880 | 46       | MR0002 | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501980 | 46       | MR0002 | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 26/11/25            |         |
| Thông kê ứng dụng trong Ktế và KD |           | 3  | 25C1STA50800508 | 45       | MR0002 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.03) | 16/09/25 - 11/11/25 | Hủy     |
| Thông kê ứng dụng                 |           | 3  | 25C1MAT50813415 | 46       | MR0002 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.03) | 16/09/25 - 11/11/25 | Bổ sung |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315480 | 46       | MR0002 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(0.02) | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |        | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-212  | 19/11/25 - 26/11/25 |         |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002349 | 46       | MR0002 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.03) | 16/09/25 - 11/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100137 | 25       | MRP001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.03) | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Marketing căn bản                 | EN        | 3  | 25C1BUS50307011 | 25       | MRP001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(0.02) | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501881 | 25       | MRP001 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501981 | 25       | MRP001 | 5   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 27/11/25            |         |
| Thông kê ứng dụng trong Ktế và KD |           | 3  | 25C1STA50800509 | 45       | MRP001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.01) | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy     |
| Thông kê ứng dụng                 |           | 3  | 25C1MAT50813416 | 25       | MRP001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.01) | 17/09/25 - 12/11/25 | Bổ sung |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315481 | 25       | MRP001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.03) | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |        | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-212  | 04/12/25 - 11/12/25 |         |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002350 | 25       | MRP001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.01) | 17/09/25 - 12/11/25 |         |

**[CT TÀ TP] NGÀNH MARKETING KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-----------------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Kinh tế vi mô                                 | EN        | 3  | 25C1ECO50109716 | 56       | MRF001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-701 | 16/09/25 - 11/11/25 |            |
| Marketing căn bản                             | EN        | 3  | 25C1BUS50307012 | 56       | MRF001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-802 | 07/10/25 - 02/12/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                          |           |    | 25C1ADM53501882 | 56       | MRF001 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                          |           |    | 25C1ADM53501982 | 56       | MRF001 | 2   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 24/11/25            |            |
| Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh | EN        | 3  | 25C1STA50802907 | 45       | MRF001 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-403 | 20/09/25 - 15/11/25 | Hủy        |
| Thống kê ứng dụng                             | EN        | 3  | 25C1MAT50813508 | 56       | MRF001 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-802 | 20/09/25 - 15/11/25 | Bổ sung    |
| Tiếng Anh tổng quát                           |           | 4  | 25C1ENG51315482 | 56       | MRF001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-402 | 02/10/25 - 11/12/25 | Đổi ph.học |
|                                               |           |    |                 |          |        | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-411 | 17/11/25 - 24/11/25 |            |
| Triết học Mác LêNin                           |           | 3  | 25C1PHI51002351 | 56       | MRF001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-701 | 19/09/25 - 14/11/25 |            |

**[CT TV] NGÀNH KINH DOANH SỐ KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH SỐ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ                         |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------------------------------|
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315449 | 37       | DB0.DBP.0<br>1    | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | E201   | 10/10/25 - 12/12/25 | <b>[DB0,DBP]<br/>TATQ_Lớp 1</b> |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | A303   | 02/12/25 - 09/12/25 |                                 |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315450 | 37       | DB0.DBP.0<br>2    | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | E401   | 10/10/25 - 12/12/25 | <b>[DB0,DBP]<br/>TATQ_Lớp 2</b> |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | A309   | 02/12/25 - 09/12/25 |                                 |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501849 | 45       | DB0001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |                                 |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501949 | 45       | DB0001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 25/11/25            |                                 |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100123 | 75       | DB0001,D<br>BP001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A217   | 08/10/25 - 03/12/25 |                                 |
| Quản trị học                      |           | 3  | 25C1MAN50200122 | 75       | DB0001,D<br>BP001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | A217   | 08/10/25 - 03/12/25 |                                 |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800121 | 80       | DB0001,D<br>BP001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A217   | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy                             |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813228 | 75       | DB0001,D<br>BP001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A217   | 15/09/25 - 10/11/25 | Bổ sung                         |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002330 | 75       | DB0001,D<br>BP001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A217   | 15/09/25 - 10/11/25 |                                 |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501850 | 25       | DBP001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |                                 |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501950 | 25       | DBP001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 25/11/25            |                                 |

**[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị học                      |           | 3  | 25C1MAN50200111 | 50       | BA0001            | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-304 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501831 | 50       | BA0001            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501931 | 50       | BA0001            | 2   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 24/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315431 | 50       | BA0001            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | H101   | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-109 | 01/12/25 - 08/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100116 | 105      | BA0001,B<br>A0002 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-307 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800114 | 100      | BA0001,B<br>A0002 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-307 | 20/09/25 - 15/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813220 | 105      | BA0001,B<br>A0002 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-307 | 20/09/25 - 15/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002319 | 105      | BA0001,B<br>A0002 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-307 | 20/09/25 - 15/11/25 |         |
| Quản trị học                      |           | 3  | 25C1MAN50200113 | 50       | BA0002            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-205 | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501832 | 50       | BA0002            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501932 | 50       | BA0002            | 2   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 24/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315432 | 50       | BA0002            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | H201   | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-208 | 01/12/25 - 08/12/25 |         |
| Quản trị học                      |           | 3  | 25C1MAN50200114 | 50       | BA0003            | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-303 | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501833 | 50       | BA0003            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501933 | 50       | BA0003            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 25/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315433 | 50       | BA0003            | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | H101   | 10/10/25 - 12/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-109 | 02/12/25 - 09/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100117 | 105      | BA0003,B<br>A0004 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-208 | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800115 | 100      | BA0003,B<br>A0004 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-307 | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813221 | 105      | BA0003,B<br>A0004 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-307 | 15/09/25 - 10/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002320 | 105      | BA0003,B<br>A0004 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-307 | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Quản trị học                      |           | 3  | 25C1MAN50200115 | 50       | BA0004            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-305 | 02/10/25 - 04/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501834 | 50       | BA0004            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501934 | 50       | BA0004            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 25/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315434 | 50       | BA0004            | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | H201   | 10/10/25 - 12/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-208 | 02/12/25 - 09/12/25 |         |

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị học                      |           | 3  | 25C1MAN50200116 | 50       | BA0005            | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-306 | 02/10/25 - 04/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501835 | 50       | BA0005            | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501935 | 50       | BA0005            | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 26/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315435 | 50       | BA0005            | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | H101   | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-207 | 03/12/25 - 10/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100118 | 105      | BA0005,B<br>A0006 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-307 | 02/10/25 - 04/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800116 | 100      | BA0005,B<br>A0006 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-307 | 16/09/25 - 11/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813222 | 105      | BA0005,B<br>A0006 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-307 | 16/09/25 - 11/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002321 | 105      | BA0005,B<br>A0006 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-308 | 16/09/25 - 11/11/25 |         |
| Quản trị học                      |           | 3  | 25C1MAN50200117 | 50       | BA0006            | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-801 | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501836 | 50       | BA0006            | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501936 | 50       | BA0006            | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 26/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315436 | 50       | BA0006            | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | H201   | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-211 | 03/12/25 - 10/12/25 |         |
| Quản trị học                      |           | 3  | 25C1MAN50200118 | 50       | BA0007            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-305 | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501837 | 50       | BA0007            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501937 | 50       | BA0007            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 27/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315437 | 50       | BA0007            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | H101   | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-208 | 04/12/25 - 11/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100119 | 105      | BA0007,B<br>A0008 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-207 | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800117 | 100      | BA0007,B<br>A0008 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-307 | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813223 | 105      | BA0007,B<br>A0008 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-307 | 17/09/25 - 12/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002322 | 105      | BA0007,B<br>A0008 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-307 | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Quản trị học                      |           | 3  | 25C1MAN50200119 | 50       | BA0008            | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-708 | 11/10/25 - 06/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501838 | 50       | BA0008            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501938 | 50       | BA0008            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 27/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315438 | 50       | BA0008            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | H201   | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-211 | 04/12/25 - 11/12/25 |         |

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị học                      |           | 3  | 25C1MAN50200120 | 50       | BA0009            | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-206 | 11/10/25 - 06/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501839 | 50       | BA0009            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501939 | 50       | BA0009            | 6   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 28/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315439 | 50       | BA0009            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | H101   | 07/10/25 - 09/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-108 | 05/12/25 - 12/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100120 | 105      | BA0009,B<br>A0010 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-308 | 11/10/25 - 06/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800118 | 100      | BA0009,B<br>A0010 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-307 | 18/09/25 - 13/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813224 | 105      | BA0009,B<br>A0010 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-307 | 18/09/25 - 13/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác LêNin               |           | 3  | 25C1PHI51002323 | 105      | BA0009,B<br>A0010 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-308 | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Quản trị học                      |           | 3  | 25C1MAN50200121 | 50       | BA0010            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-302 | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501840 | 50       | BA0010            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501940 | 50       | BA0010            | 6   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 28/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315440 | 50       | BA0010            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | H201   | 07/10/25 - 09/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-304 | 05/12/25 - 12/12/25 |         |

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị học                      | EN        | 3  | 25C1MAN50208701 | 50       | BAP001            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-410 | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501841 | 50       | BAP001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501941 | 50       | BAP001            | 7   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315441 | 50       | BAP001            | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | H101   | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-307 | 06/12/25 - 13/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100121 | 100      | BAP001,B<br>AP002 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-308 | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800119 | 100      | BAP001,B<br>AP002 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-208 | 19/09/25 - 14/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813225 | 100      | BAP001,B<br>AP002 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-208 | 19/09/25 - 14/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002324 | 100      | BAP001,B<br>AP002 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-207 | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Quản trị học                      | EN        | 3  | 25C1MAN50208702 | 50       | BAP002            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-102 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501842 | 50       | BAP002            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501942 | 50       | BAP002            | 7   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315442 | 50       | BAP002            | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | H201   | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-410 | 06/12/25 - 13/12/25 |         |
| Quản trị học                      | EN        | 3  | 25C1MAN50208703 | 50       | BAP003            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-103 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501843 | 50       | BAP003            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501943 | 50       | BAP003            | 2   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 24/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315443 | 50       | BAP003            | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | H101   | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-109 | 17/11/25 - 24/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100122 | 100      | BAP003,B<br>AP011 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-308 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800120 | 100      | BAP003,B<br>AP004 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-310 | 20/09/25 - 15/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813226 | 100      | BAP003,B<br>A0011 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-310 | 20/09/25 - 15/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002325 | 100      | BAP003,B<br>A0011 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-308 | 20/09/25 - 15/11/25 |         |
| Quản trị học                      | EN        | 3  | 25C1MAN50208704 | 50       | BAP004            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-304 | 08/10/25 - 03/12/25 | Hủy     |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501844 | 50       | BA0011            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501944 | 50       | BA0011            | 2   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 24/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315444 | 50       | BA0011            | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | H201   | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-208 | 17/11/25 - 24/11/25 |         |

**[CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Kinh tế vi mô                     | EN        | 3  | 25C1ECO50109706 | 45       | ADF001 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-801 | 11/10/25 - 06/12/25 |            |
| Quản trị học                      | EN        | 3  | 25C1MAN50208705 | 45       | ADF001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-402 | 10/10/25 - 05/12/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501845 | 45       | ADF001 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501945 | 45       | ADF001 | 5   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 27/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315445 | 45       | ADF001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-409 | 07/10/25 - 09/12/25 |            |
|                                   |           |    |                 |          |        | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-508 | 05/12/25 - 12/12/25 |            |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị | EN        | 3  | 25C1MAT50802806 | 50       | ADF001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-701 | 18/09/25 - 13/11/25 | Hủy        |
| Toán ứng dụng                     | EN        | 3  | 25C1MAT50813301 | 45       | ADF001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-701 | 18/09/25 - 13/11/25 | Bổ sung    |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002326 | 45       | ADF001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-702 | 19/09/25 - 14/11/25 |            |
| Kinh tế vi mô                     | EN        | 3  | 25C1ECO50109707 | 45       | ADF002 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-407 | 06/10/25 - 01/12/25 |            |
| Quản trị học                      | EN        | 3  | 25C1MAN50208706 | 45       | ADF002 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-701 | 06/10/25 - 01/12/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501846 | 45       | ADF002 | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501946 | 45       | ADF002 | 7   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 29/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315446 | 45       | ADF002 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-701 | 08/10/25 - 10/12/25 |            |
|                                   |           |    |                 |          |        | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-405 | 06/12/25 - 13/12/25 |            |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị | EN        | 3  | 25C1MAT50802807 | 50       | ADF002 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-405 | 19/09/25 - 14/11/25 | Hủy        |
| Toán ứng dụng                     | EN        | 3  | 25C1MAT50813302 | 45       | ADF002 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-405 | 19/09/25 - 14/11/25 | Bổ sung    |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002327 | 45       | ADF002 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-405 | 19/09/25 - 14/11/25 |            |
| Kinh tế vi mô                     | EN        | 3  | 25C1ECO50109708 | 45       | ADF003 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-407 | 07/10/25 - 02/12/25 |            |
| Quản trị học                      | EN        | 3  | 25C1MAN50208707 | 45       | ADF003 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-509 | 10/10/25 - 05/12/25 | Đổi tg.học |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501847 | 45       | ADF003 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501947 | 45       | ADF003 | 2   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 24/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315447 | 45       | ADF003 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-508 | 02/10/25 - 11/12/25 | Đổi ph.học |
|                                   |           |    |                 |          |        | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-411 | 01/12/25 - 08/12/25 |            |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị | EN        | 3  | 25C1MAT50802808 | 50       | ADF003 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-802 | 20/09/25 - 15/11/25 | Hủy        |
| Toán ứng dụng                     | EN        | 3  | 25C1MAT50813303 | 45       | ADF003 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-808 | 20/09/25 - 15/11/25 | Bổ sung    |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002328 | 45       | ADF003 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-801 | 20/09/25 - 15/11/25 |            |

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế vi mô                     | EN        | 3  | 25C1ECO50109709 | 50       | ADF004 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-708 | 08/10/25 - 03/12/25 | Hủy     |
| Quản trị học                      | EN        | 3  | 25C1MAN50208708 | 50       | ADF004 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-505 | 08/10/25 - 03/12/25 | Hủy     |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501848 | 50       | ADF004 | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            | Hủy     |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501948 | 50       | ADF004 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 25/11/25            | Hủy     |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315448 | 50       | ADF004 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-806 | 10/10/25 - 12/12/25 | Hủy     |
|                                   |           |    |                 |          |        | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-407 | 02/12/25 - 09/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị | EN        | 3  | 25C1MAT50802809 | 50       | ADF004 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-411 | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     | EN        | 3  | 25C1MAT50813304 | 50       | ADF004 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-411 | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy     |
| Triết học Mác LêNin               |           | 3  | 25C1PHI51002329 | 50       | ADF004 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-701 | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy     |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ                         |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------------------------------|
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315451 | 38       | QB0.QBP.0<br>1    | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-101 | 11/10/25 - 13/12/25 | <b>[QB0,QBP]<br/>TATQ_Lớp 1</b> |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-207 | 19/11/25 - 26/11/25 |                                 |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315452 | 38       | QB0.QBP.0<br>2    | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-802 | 11/10/25 - 13/12/25 | <b>[QB0,QBP]<br/>TATQ_Lớp 2</b> |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-211 | 19/11/25 - 26/11/25 |                                 |
| Quản trị học                      |           | 3  | 25C1MAN50200123 | 55       | QB0001            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-306 | 02/10/25 - 04/12/25 |                                 |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501851 | 55       | QB0001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |                                 |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501951 | 55       | QB0001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 26/11/25            |                                 |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100124 | 80       | QB0001,Q<br>BP001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-308 | 02/10/25 - 04/12/25 |                                 |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800122 | 110      | QB0001,Q<br>BP001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-310 | 16/09/25 - 11/11/25 | Hủy                             |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813250 | 80       | QB0001,Q<br>BP001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-402 | 16/09/25 - 11/11/25 | Bổ sung                         |
| Triết học Mác LêNin               |           | 3  | 25C1PHI51002331 | 80       | QB0001,Q<br>BP001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-502 | 16/09/25 - 11/11/25 | Đổi ph.học                      |
| Quản trị học                      |           | 3  | 25C1MAN50200124 | 25       | QBP001            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-402 | 10/10/25 - 05/12/25 |                                 |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501852 | 25       | QBP001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |                                 |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501952 | 25       | QBP001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 26/11/25            |                                 |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501801 | 51       | FN0001            | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501901 | 51       | FN0001            | 7   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315401 | 51       | FN0001            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | E601   | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-103 | 06/12/25 - 13/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100101 | 105      | FN0001,FN<br>0002 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-108 | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100101 | 105      | FN0001,FN<br>0002 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-108 | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800101 | 100      | FN0001,FN<br>0002 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-108 | 19/09/25 - 14/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813232 | 105      | FN0001,FN<br>0002 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-108 | 19/09/25 - 14/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002301 | 105      | FN0001,FN<br>0002 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-108 | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501802 | 51       | FN0002            | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501902 | 51       | FN0002            | 7   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315402 | 51       | FN0002            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | E702   | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-104 | 06/12/25 - 13/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501803 | 51       | FN0003            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501903 | 51       | FN0003            | 2   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 24/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315403 | 51       | FN0003            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | E601   | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-102 | 01/12/25 - 08/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100104 | 105      | FN0003,FN<br>0004 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-108 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100102 | 105      | FN0003,FN<br>0004 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-108 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800102 | 100      | FN0003,FN<br>0004 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-207 | 20/09/25 - 15/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813233 | 105      | FN0003,FN<br>0004 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-207 | 20/09/25 - 15/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002302 | 105      | FN0003,FN<br>0004 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-207 | 20/09/25 - 15/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501804 | 51       | FN0004            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501904 | 51       | FN0004            | 2   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 24/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315404 | 51       | FN0004            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | E702   | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-104 | 01/12/25 - 08/12/25 |         |

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501805 | 51       | FN0005             | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501905 | 51       | FN0005             | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 25/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315405 | 51       | FN0005             | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | E601   | 10/10/25 - 12/12/25 |            |
|                                   |           |    |                 |          |                    | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-808 | 02/12/25 - 09/12/25 |            |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100105 | 105      | FN0005, FN<br>P001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-108 | 08/10/25 - 03/12/25 |            |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100103 | 105      | FN0005, FN<br>P001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-108 | 08/10/25 - 03/12/25 |            |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800103 | 100      | FN0005, FN<br>P001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-109 | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy        |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813234 | 105      | FN0005, FN<br>P001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-109 | 15/09/25 - 10/11/25 | Bổ sung    |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002303 | 105      | FN0005, FN<br>P001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-109 | 15/09/25 - 10/11/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501806 | 53       | FN0001             | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501906 | 53       | FN0001             | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 25/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315406 | 53       | FN0001             | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | E702   | 10/10/25 - 12/12/25 |            |
|                                   |           |    |                 |          |                    | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-808 | 18/11/25 - 25/11/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501807 | 51       | FN0006             | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501907 | 51       | FN0006             | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 26/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315407 | 51       | FN0006             | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | E601   | 11/10/25 - 13/12/25 |            |
|                                   |           |    |                 |          |                    | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-103 | 03/12/25 - 10/12/25 |            |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100106 | 51       | FN0006             | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-108 | 02/10/25 - 04/12/25 |            |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100104 | 51       | FN0006             | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-108 | 02/10/25 - 04/12/25 |            |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800104 | 100      | FN0002, FN<br>P003 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-109 | 16/09/25 - 11/11/25 | Hủy        |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813235 | 51       | FN0006             | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-405 | 16/09/25 - 11/11/25 | Bổ sung    |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002304 | 51       | FN0006             | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-404 | 16/09/25 - 11/11/25 | Đôi ph.học |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501808 | 50       | FN0003             | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            | Hủy        |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501908 | 50       | FN0003             | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 26/11/25            | Hủy        |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315408 | 50       | FN0003             | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | E702   | 11/10/25 - 13/12/25 | Hủy        |
|                                   |           |    |                 |          |                    | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-406 | 03/12/25 - 10/12/25 |            |

**[CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế vi mô                     | EN        | 3  | 25C1ECO50109701 | 52       | FNF001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-412 | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Luật kinh doanh                   | EN        | 3  | 25C1LAW51107001 | 52       | FNF001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-402 | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501809 | 52       | FNF001 | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501909 | 52       | FNF001 | 7   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315409 | 52       | FNF001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-409 | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |        | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-406 | 06/12/25 - 13/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị | EN        | 3  | 25C1MAT50802801 | 45       | FNF001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-508 | 19/09/25 - 14/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     | EN        | 3  | 25C1MAT50813308 | 52       | FNF001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-508 | 19/09/25 - 14/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002305 | 52       | FNF001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-802 | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     | EN        | 3  | 25C1ECO50109702 | 52       | FNF002 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-402 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Luật kinh doanh                   | EN        | 3  | 25C1LAW51107002 | 52       | FNF002 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-404 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501810 | 52       | FNF002 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501910 | 52       | FNF002 | 2   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 24/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315410 | 52       | FNF002 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-403 | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |        | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-705 | 01/12/25 - 08/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị | EN        | 3  | 25C1MAT50802802 | 45       | FNF002 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-708 | 20/09/25 - 15/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     | EN        | 3  | 25C1MAT50813309 | 52       | FNF002 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-708 | 20/09/25 - 15/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002306 | 52       | FNF002 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-806 | 20/09/25 - 15/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     | EN        | 3  | 25C1ECO50109703 | 45       | FNF003 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-402 | 08/10/25 - 03/12/25 | Hủy     |
| Luật kinh doanh                   | EN        | 3  | 25C1LAW51107003 | 45       | FNF003 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-404 | 08/10/25 - 03/12/25 | Hủy     |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501811 | 45       | FNF003 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            | Hủy     |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501911 | 45       | FNF003 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 25/11/25            | Hủy     |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315411 | 45       | FNF003 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-409 | 10/10/25 - 12/12/25 | Hủy     |
|                                   |           |    |                 |          |        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-408 | 02/12/25 - 09/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị | EN        | 3  | 25C1MAT50802803 | 45       | FNF003 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-409 | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     | EN        | 3  | 25C1MAT50813310 | 45       | FNF003 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-409 | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy     |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002307 | 45       | FNF003 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-405 | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy     |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV                   | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ                         |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------------------------------|
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315415 | 30       | FI0.FIP.FIF<br>.01       | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | E201   | 07/10/25 - 09/12/25 | <b>[FI0,FIP]<br/>TATQ_Lớp 1</b> |
|                                   |           |    |                 |          |                          | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-101 | 05/12/25 - 12/12/25 |                                 |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315416 | 30       | FI0.FIP.FIF<br>.02       | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | E401   | 07/10/25 - 09/12/25 | <b>[FI0,FIP]<br/>TATQ_Lớp 2</b> |
|                                   |           |    |                 |          |                          | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-311 | 05/12/25 - 12/12/25 |                                 |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501815 | 36       | FI0001                   | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |                                 |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501915 | 36       | FI0001                   | 6   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 28/11/25            |                                 |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100108 | 65       | FI0001,FIP<br>001        | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-211 | 11/10/25 - 06/12/25 |                                 |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100106 | 65       | FI0001,FIP<br>001        | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-211 | 11/10/25 - 06/12/25 |                                 |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800106 | 90       | FI0001,FIP<br>001        | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-211 | 18/09/25 - 13/11/25 | Hủy                             |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813231 | 65       | FI0001,FIP<br>001        | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-211 | 18/09/25 - 13/11/25 | Bổ sung                         |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002310 | 65       | FI0001,FIP<br>001,FIF001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-211 | 18/09/25 - 13/11/25 |                                 |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501816 | 15       | FIP001                   | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |                                 |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501916 | 15       | FIP001                   | 6   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 28/11/25            |                                 |

**[CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-----------------------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Kinh tế vi mô                     | EN        | 3  | 25C1ECO50109721  | 15       | FIF001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-504 | 10/10/25 - 05/12/25 |            |
| Luật kinh doanh                   | EN        | 3  | 25C1LAW51107009  | 15       | FIF001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-409 | 10/10/25 - 05/12/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM535018175 | 15       | FIF001 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            | Đổi tg.học |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM535019175 | 15       | FIF001 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 25/11/25            | Đổi tg.học |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG513154164 | 15       | FIF001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-402 | 06/10/25 - 08/12/25 |            |
|                                   |           |    |                  |          |        | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-407 | 04/12/25 - 11/12/25 |            |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị | EN        | 3  | 25C1MAT50802813  | 45       | FIF001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-702 | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy        |
| Toán ứng dụng                     | EN        | 3  | 25C1MAT50813307  | 15       | FIF001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-702 | 17/09/25 - 12/11/25 | Bổ sung    |
| Triết học Mác LêNin               |           | 3  | 25C1PHI51002378  | 45       | FIF001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-803 | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy        |

**[CT TV] NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501812 | 30       | IF0001            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501912 | 30       | IF0001            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 27/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315412 | 30       | IF0001            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | E201   | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-101 | 04/12/25 - 11/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100107 | 50       | IF0001,IFP<br>001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-211 | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100105 | 50       | IF0001,IFP<br>001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-211 | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800105 | 90       | IF0001,IFP<br>001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-211 | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813237 | 50       | IF0001,IFP<br>001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-211 | 17/09/25 - 12/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002308 | 50       | IF0001,IFP<br>001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-211 | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501813 | 20       | IFP001            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501913 | 20       | IFP001            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 27/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315413 | 20       | IFP001            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | E401   | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-103 | 04/12/25 - 11/12/25 |         |

**[CT TA TP] NGÀNH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Kinh tế vi mô                     | EN        | 3  | 25C1ECO50109704 | 52       | IFF001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-505 | 02/10/25 - 04/12/25 | Đổi ph.học |
| Luật kinh doanh                   | EN        | 3  | 25C1LAW51107004 | 52       | IFF001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-803 | 02/10/25 - 04/12/25 | Đổi ph.học |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501814 | 52       | IFF001 | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501914 | 52       | IFF001 | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 26/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315414 | 52       | IFF001 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-509 | 11/10/25 - 13/12/25 | Đổi ph.học |
|                                   |           |    |                 |          |        | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-702 | 03/12/25 - 10/12/25 |            |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị | EN        | 3  | 25C1MAT50802804 | 35       | IFF001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-408 | 16/09/25 - 11/11/25 | Hủy        |
| Toán ứng dụng                     | EN        | 3  | 25C1MAT50813311 | 52       | IFF001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-708 | 16/09/25 - 11/11/25 | Bổ sung    |
| Triết học Mác LêNin               |           | 3  | 25C1PHI51002309 | 52       | IFF001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-702 | 16/09/25 - 30/09/25 | Đổi ph.học |
|                                   |           |    |                 |          |        | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-405 | 07/10/25 - 11/11/25 |            |

**[CT TA TP] NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG (ĐÀO TẠO NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ QUỐC TẾ) KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế vi mô                     | EN        | 3  | 25C1ECO50109720  | 40       | FBDPF1 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-409 | 11/10/25 - 06/12/25 |         |
| Luật kinh doanh                   | EN        | 3  | 25C1LAW51107008  | 40       | FBDPF1 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-805 | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Nguyên lý kế toán                 | EN        | 3  | 25C1ACC50706901  | 40       | FBDPF1 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-705 | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Nhập môn tâm lý học               | EN        | 2  | 25C1BUS50327201  | 40       | FBDPF1 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-702 | 16/09/25 - 21/10/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM535018145 | 40       | FBDPF1 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM535019145 | 40       | FBDPF1 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 25/11/25            |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị | EN        | 3  | 25C1MAT50802812  | 45       | FBDPF1 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-705 | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     | EN        | 3  | 25C1MAT50813306  | 40       | FBDPF1 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-705 | 15/09/25 - 10/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác LêNin               |           | 3  | 25C1PHI51002372  | 40       | FBDPF1 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-803 | 22/09/25 - 17/11/25 |         |

**[CT TV] NGÀNH BẢO HIỂM KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TV] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ                         |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------------------------------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501817 | 25       | IN0001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |                                 |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501917 | 25       | IN0001            | 7   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 29/11/25            |                                 |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315417 | 37       | IN0.PF0.01        | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A313   | 08/10/25 - 10/12/25 | <b>[IN0,PF0]<br/>TATQ_Lớp 1</b> |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-208 | 06/12/25 - 13/12/25 |                                 |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800107 | 60       | IN0001            | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-207 | 18/09/25 - 13/11/25 | Hủy                             |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813238 | 25       | IN0001            | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-405 | 18/09/25 - 25/09/25 | Bổ sung                         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-707 | 02/10/25 - 13/11/25 |                                 |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100109 | 75       | IN0001,PF0<br>001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-207 | 06/10/25 - 01/12/25 |                                 |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100107 | 75       | IN0001,PF0<br>001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-207 | 06/10/25 - 01/12/25 |                                 |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002311 | 75       | IN0001,PF0<br>001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-207 | 18/09/25 - 13/11/25 |                                 |

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV     | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ                         |
|----------------------|-----------|----|-----------------|----------|------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------------------------------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM53501818 | 48       | PF0001     | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |                                 |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM53501918 | 48       | PF0001     | 7   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 29/11/25            |                                 |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG51315418 | 37       | IN0.PF0.02 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A303   | 08/10/25 - 10/12/25 | <b>[IN0,PF0]<br/>TATQ_Lớp 2</b> |
|                      |           |    |                 |          |            | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-207 | 06/12/25 - 13/12/25 |                                 |
| Toán ứng dụng        |           | 3  | 25C1MAT50813201 | 48       | PF0001     | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-411 | 18/09/25 - 13/11/25 |                                 |

**[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501857 | 45       | TS0001            | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501957 | 45       | TS0001            | 7   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315457 | 45       | TS0001            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | E201   | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-307 | 06/12/25 - 13/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100127 | 90       | TS0001,TS<br>0002 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-211 | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100116 | 90       | TS0001,TS<br>0002 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-211 | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800125 | 90       | TS0001,TS<br>0002 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-208 | 19/09/25 - 14/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813253 | 90       | TS0001,TS<br>0002 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-208 | 19/09/25 - 14/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002334 | 90       | TS0001,TS<br>0002 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-307 | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501858 | 45       | TS0002            | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501958 | 45       | TS0002            | 7   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315458 | 45       | TS0002            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | E401   | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-308 | 06/12/25 - 13/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501859 | 45       | TSP001            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501959 | 45       | TSP001            | 2   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 24/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315459 | 45       | TSP001            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | E201   | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-208 | 17/11/25 - 24/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100128 | 90       | TSP001,TS<br>0003 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-211 | 16/09/25 - 11/11/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100117 | 90       | TSP001,TS<br>0003 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-211 | 16/09/25 - 11/11/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800126 | 90       | TSP001,TS<br>P002 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-310 | 20/09/25 - 15/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813254 | 90       | TSP001,TS<br>0003 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-503 | 20/09/25 - 15/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002335 | 90       | TSP001,TS<br>0003 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-311 | 20/09/25 - 15/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501860 | 45       | TS0003            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501960 | 45       | TS0003            | 2   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 01/12/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315460 | 45       | TS0003            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | E401   | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-211 | 17/11/25 - 24/11/25 |         |

**[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501853 | 40       | KS0001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501953 | 40       | KS0001            | 5   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 27/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315453 | 40       | KS0001            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | E201   | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-208 | 04/12/25 - 11/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100125 | 80       | KS0001,KS<br>P001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-212 | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100114 | 80       | KS0001,KS<br>P001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-212 | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800123 | 94       | KS0001,KS<br>P001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-212 | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813246 | 80       | KS0001,KS<br>P001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-212 | 17/09/25 - 12/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002332 | 80       | KS0001,KS<br>P001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-212 | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501854 | 40       | KSP001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501954 | 40       | KSP001            | 5   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 27/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315454 | 40       | KSP001            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | E401   | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-211 | 04/12/25 - 11/12/25 |         |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ                         |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------------------------------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501855 | 60       | SK0001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |                                 |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501955 | 60       | SK0001            | 6   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 28/11/25            |                                 |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315455 | 45       | SK0.SKP.0<br>1    | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | E201   | 07/10/25 - 09/12/25 | <b>[SK0,SKP]<br/>TATQ_Lớp 1</b> |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-108 | 21/11/25 - 28/11/25 |                                 |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100126 | 90       | SK0001,SK<br>P001 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-212 | 11/10/25 - 06/12/25 |                                 |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100115 | 90       | SK0001,SK<br>P001 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-212 | 11/10/25 - 06/12/25 |                                 |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800124 | 90       | SK0001,SK<br>P001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-212 | 18/09/25 - 13/11/25 | Hủy                             |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813251 | 90       | SK0001,SK<br>P001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-212 | 18/09/25 - 13/11/25 | Bổ sung                         |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002333 | 90       | SK0001,SK<br>P001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-212 | 18/09/25 - 13/11/25 |                                 |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501856 | 22       | SKP001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |                                 |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501956 | 22       | SKP001            | 6   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 28/11/25            |                                 |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315456 | 45       | SK0.SKP.0<br>2    | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | E401   | 07/10/25 - 09/12/25 | <b>[SK0,SKP]<br/>TATQ_Lớp 2</b> |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-208 | 21/11/25 - 28/11/25 |                                 |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501823 | 54       | NH0001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501923 | 54       | NH0001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 26/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315423 | 54       | NH0001            | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | E601   | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-211 | 03/12/25 - 10/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100112 | 110      | NH0001,N<br>H0002 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-109 | 02/10/25 - 04/12/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100110 | 110      | NH0001,N<br>H0002 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-109 | 02/10/25 - 04/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800110 | 100      | NH0001,N<br>H0002 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-208 | 16/09/25 - 11/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813247 | 110      | NH0001,N<br>H0002 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-208 | 16/09/25 - 11/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002314 | 110      | NH0001,N<br>H0002 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-208 | 16/09/25 - 11/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501824 | 54       | NH0002            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501924 | 54       | NH0002            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 26/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315424 | 54       | NH0002            | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | E702   | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-212 | 03/12/25 - 10/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100113 | 54       | NH0003            | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-411 | 20/09/25 - 15/11/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100111 | 54       | NH0003            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-403 | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501825 | 54       | NH0003            | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501925 | 54       | NH0003            | 7   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315425 | 54       | NH0003            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | A212   | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-207 | 06/12/25 - 13/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800111 | 50       | NH0003            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-304 | 19/09/25 - 14/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813248 | 54       | NH0003            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-304 | 19/09/25 - 14/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002315 | 54       | NH0003            | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-403 | 19/09/25 - 14/11/25 |         |

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501827 | 40       | NHP001            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501927 | 40       | NHP001            | 5   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 27/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315427 | 40       | NHP001            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | E601   | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-207 | 04/12/25 - 11/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100114 | 100      | NHP001,N<br>H0004 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-109 | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100112 | 100      | NHP001,N<br>H0004 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-109 | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800112 | 100      | NHP001,N<br>HP002 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-207 | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813249 | 100      | NHP001,N<br>H0004 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-207 | 17/09/25 - 12/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002317 | 100      | NHP001,N<br>H0004 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-207 | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501828 | 54       | NH0004            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501928 | 54       | NH0004            | 5   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 27/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315428 | 54       | NH0004            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | E702   | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-102 | 04/12/25 - 11/12/25 |         |

**[CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Kinh tế vi mô                     | EN        | 3  | 25C1ECO50109705 | 30       | NHF001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-502 | 10/10/25 - 05/12/25 |            |
| Luật kinh doanh                   | EN        | 3  | 25C1LAW51107005 | 30       | NHF001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-402 | 10/10/25 - 05/12/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501826 | 30       | NHF001 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501926 | 30       | NHF001 | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 27/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315426 | 30       | NHF001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-408 | 06/10/25 - 08/12/25 | Đổi ph.học |
|                                   |           |    |                 |          |        | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-405 | 04/12/25 - 11/12/25 |            |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị | EN        | 3  | 25C1MAT50802805 | 30       | NHF001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-407 | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy        |
| Toán ứng dụng                     | EN        | 3  | 25C1MAT50813313 | 30       | NHF001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-407 | 17/09/25 - 12/11/25 | Bổ sung    |
| Triết học Mác LêNin               |           | 3  | 25C1PHI51002316 | 30       | NHF001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-405 | 17/09/25 - 12/11/25 |            |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315429 | 49       | TT0001            | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | E601   | 07/10/25 - 09/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-108 | 05/12/25 - 12/12/25 |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG51315430 | 45       | TTP001            | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | E702   | 07/10/25 - 09/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                   | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-403 | 05/12/25 - 12/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501829 | 49       | TT0001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501929 | 49       | TT0001            | 6   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 28/11/25            |         |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100115 | 110      | TT0001,TT<br>P001 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-108 | 11/10/25 - 06/12/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100113 | 110      | TT0001,TT<br>P001 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-108 | 11/10/25 - 06/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800113 | 110      | TT0001,TT<br>P001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-208 | 18/09/25 - 13/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813255 | 110      | TT0001,TT<br>P001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-208 | 18/09/25 - 13/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác Lênin               |           | 3  | 25C1PHI51002318 | 110      | TT0001,TT<br>P001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-208 | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM53501830 | 45       | TTP001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM53501930 | 45       | TTP001            | 6   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 28/11/25            |         |

**[CT TV] NGÀNH AN TOÀN THÔNG TIN KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Cơ sở lập trình       |           | 3  | 25C1INF50900510  | 60       | CY0001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-511 | 02/10/25 - 04/12/25 |         |
| Quản trị học          |           | 3  | 25C1MAN50200127  | 60       | CY0001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-411 | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1  |           |    | 25C1ADM535018150 | 60       | CY0001 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2  |           |    | 25C1ADM535019150 | 60       | CY0001 | 6   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 28/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát   |           | 4  | 25C1ENG513154151 | 60       | CY0001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | A210   | 07/10/25 - 09/12/25 |         |
|                       |           |    |                  |          |        | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A201   | 05/12/25 - 12/12/25 |         |
| Toán dành cho tin học |           | 3  | 25C1INF50901114  | 60       | CY0001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-702 | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Tư duy thiết kế       |           | 2  | 25C1TEC55005972  | 60       | CY0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-410 | 18/09/25 - 23/10/25 |         |

**[CT TV] NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Cơ sở lập trình       |           | 3  | 25C1INF50900509  | 54       | IT0001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-508 | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Quản trị học          |           | 3  | 25C1MAN50200126  | 54       | IT0001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-408 | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1  |           |    | 25C1ADM535018149 | 54       | IT0001 | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2  |           |    | 25C1ADM535019149 | 54       | IT0001 | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 27/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát   |           | 4  | 25C1ENG513154150 | 54       | IT0001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A313   | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                       |           |    |                  |          |        | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-402 | 04/12/25 - 11/12/25 |         |
| Toán dành cho tin học |           | 3  | 25C1INF50901113  | 54       | IT0001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-410 | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Tư duy thiết kế       |           | 2  | 25C1TEC55005971  | 54       | IT0001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-411 | 05/11/25 - 10/12/25 |         |

**[CT TV] NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD      | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|---------------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|---------|---------------------|------------|
| Cơ sở công nghệ thông tin |           | 3  | 25C1INF50900301  | 56       | IS0001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-507  | 10/10/25 - 05/12/25 | Đổi ph.học |
| Quản trị học              |           | 3  | 25C1MAN50200129  | 56       | IS0001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(2.02) | 16/09/25 - 11/11/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1      |           |    | 25C1ADM535018152 | 56       | IS0001 | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE  | 18/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2      |           |    | 25C1ADM535019152 | 56       | IS0001 | 2   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 24/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát       |           | 4  | 25C1ENG513154153 | 56       | IS0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(2.02) | 02/10/25 - 11/12/25 |            |
|                           |           |    |                  |          |        | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(2.02) | 01/12/25 - 08/12/25 |            |
| Toán dành cho tin học     |           | 3  | 25C1INF50901108  | 56       | IS0001 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.02) | 20/09/25 - 15/11/25 | Đổi ph.học |
| Tư duy thiết kế           |           | 2  | 25C1TEC55005973  | 56       | IS0001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.02) | 04/11/25 - 09/12/25 |            |
| Cơ sở công nghệ thông tin |           | 3  | 25C1INF50900302  | 56       | IS0002 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-507  | 07/10/25 - 02/12/25 | Đổi tg.học |
| Quản trị học              |           | 3  | 25C1MAN50200130  | 56       | IS0002 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(2.02) | 15/09/25 - 10/11/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1      |           |    | 25C1ADM535018153 | 56       | IS0002 | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 17/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2      |           |    | 25C1ADM535019153 | 56       | IS0002 | 7   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 29/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát       |           | 4  | 25C1ENG513154154 | 56       | IS0002 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(2.02) | 08/10/25 - 10/12/25 |            |
|                           |           |    |                  |          |        | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(2.02) | 06/12/25 - 13/12/25 |            |
| Toán dành cho tin học     |           | 3  | 25C1INF50901109  | 56       | IS0002 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.02) | 19/09/25 - 14/11/25 |            |
| Tư duy thiết kế           |           | 2  | 25C1TEC55005974  | 56       | IS0002 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.02) | 03/11/25 - 08/12/25 |            |

**[CT TV] NGÀNH KHOA HỌC DỮ LIỆU KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV   | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ             |
|-----------------------------------|-----------|----|------------------|----------|----------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------------------|
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100170  | 65       | DS0001   | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-109 | 16/09/25 - 11/11/25 | Đổi ph.học          |
| Luật công nghệ thông tin          |           | 3  | 25C1LAW51112601  | 65       | DS0001   | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-207 | 16/09/25 - 11/11/25 | Đổi ph.học          |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM535018146 | 65       | DS0001   | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |                     |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM535019146 | 65       | DS0001   | 2   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 24/11/25            |                     |
| Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD |           | 3  | 25C1STA50800515  | 65       | DS0001   | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-104 | 20/09/25 - 15/11/25 | Hủy                 |
| Thống kê ứng dụng                 |           | 3  | 25C1MAT50813403  | 65       | DS0001   | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-104 | 20/09/25 - 15/11/25 | Bổ sung             |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005968  | 65       | DS0001   | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-412 | 08/11/25 - 13/12/25 | Đổi ph.học          |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG513154145 | 31       | DS0001.1 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | E201   | 02/10/25 - 11/12/25 | [DS0]<br>TATQ_Lớp 1 |
|                                   |           |    |                  |          |          | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-211 | 01/12/25 - 08/12/25 |                     |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG513154146 | 31       | DS0001.2 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | E302   | 02/10/25 - 11/12/25 | [DS0]<br>TATQ_Lớp 2 |
|                                   |           |    |                  |          |          | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-212 | 01/12/25 - 08/12/25 |                     |

**[CT TV] NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV   | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-----------------------------------|-----------|----|------------------|----------|----------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100171  | 58       | SE0001   | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-410 | 16/09/25 - 11/11/25 |            |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C1LAW51100147  | 58       | SE0001   | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-410 | 16/09/25 - 11/11/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM535018148 | 58       | SE0001   | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM535019148 | 58       | SE0001   | 2   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 24/11/25            |            |
| Thống kê ứng dụng trong Ktế và KD |           | 3  | 25C1STA50800516  | 65       | SE0001   | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-504 | 20/09/25 - 15/11/25 | Hủy        |
| Thống kê ứng dụng                 |           | 3  | 25C1MAT50813418  | 58       | SE0001   | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-504 | 20/09/25 - 15/11/25 | Bổ sung    |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005970  | 58       | SE0001   | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-502 | 08/11/25 - 13/12/25 |            |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG513154148 | 58       | SE0001   | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | H204   | 02/10/25 - 11/12/25 | Đổi ph.học |
|                                   |           |    |                  |          |          | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-310 | 01/12/25 - 08/12/25 |            |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG513154149 | 32       | SE0001.2 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | E602   | 02/10/25 - 11/12/25 | Hủy        |
|                                   |           |    |                  |          |          | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-311 | 01/12/25 - 08/12/25 |            |

**[CT TV] NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Cơ sở lập trình       |           | 3  | 25C1INF50900508  | 50       | CS0001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-512 | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Quản trị học          |           | 3  | 25C1MAN50200125  | 60       | CS0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-403 | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1  |           |    | 25C1ADM535018147 | 60       | CS0001 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2  |           |    | 25C1ADM535019147 | 60       | CS0001 | 6   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 28/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát   |           | 4  | 25C1ENG513154147 | 60       | CS0001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-103 | 07/10/25 - 09/12/25 |         |
|                       |           |    |                  |          |        | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-307 | 21/11/25 - 28/11/25 |         |
| Toán dành cho tin học |           | 3  | 25C1INF50901112  | 60       | CS0001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-403 | 02/10/25 - 04/12/25 |         |
| Tư duy thiết kế       |           | 2  | 25C1TEC55005969  | 60       | CS0001 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-704 | 08/11/25 - 13/12/25 |         |

**[CT TV] NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-------------------------------------|-----------|----|------------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Marketing căn bản                   |           | 3  | 25C1MAR50300116  | 54       | EE0001            | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-412 | 20/09/25 - 15/11/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                |           |    | 25C1ADM535018137 | 54       | EE0001            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                |           |    | 25C1ADM535019137 | 54       | EE0001            | 2   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 24/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát                 |           | 4  | 25C1ENG513154137 | 54       | EE0001            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | A313   | 02/10/25 - 11/12/25 | Đổi ph.học |
|                                     |           |    |                  |          |                   | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-211 | 01/12/25 - 08/12/25 |            |
| Kinh tế vi mô                       |           | 3  | 25C1ECO50100166  | 110      | EE0001,EE<br>0002 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-310 | 07/10/25 - 02/12/25 | Đổi ph.học |
| Luật kinh doanh                     |           | 3  | 25C1LAW51100145  | 110      | EE0001,EE<br>0002 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-310 | 07/10/25 - 02/12/25 | Đổi ph.học |
| Thống kê ứng dụng trong<br>Kế và KD |           | 3  | 25C1STA50800513  | 80       | EE0001,EE<br>0002 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-503 | 20/09/25 - 15/11/25 | Hủy        |
| Thống kê ứng dụng                   |           | 3  | 25C1MAT50813404  | 110      | EE0001,EE<br>0002 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-310 | 20/09/25 - 15/11/25 | Bổ sung    |
| Marketing căn bản                   |           | 3  | 25C1MAR50300117  | 54       | EE0002            | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-103 | 17/09/25 - 12/11/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                |           |    | 25C1ADM535018138 | 54       | EE0002            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                |           |    | 25C1ADM535019138 | 54       | EE0002            | 2   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 24/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát                 |           | 4  | 25C1ENG513154138 | 54       | EE0002            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | A314   | 02/10/25 - 11/12/25 | Đổi ph.học |
|                                     |           |    |                  |          |                   | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-307 | 01/12/25 - 08/12/25 |            |
| Marketing căn bản                   | EN        | 3  | 25C1BUS50307016  | 40       | EEP001            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-405 | 18/09/25 - 13/11/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                |           |    | 25C1ADM535018139 | 40       | EEP001            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                |           |    | 25C1ADM535019139 | 40       | EEP001            | 6   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 28/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát                 |           | 4  | 25C1ENG513154139 | 40       | EEP001            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | E202   | 07/10/25 - 09/12/25 |            |
|                                     |           |    |                  |          |                   | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-207 | 05/12/25 - 12/12/25 |            |
| Kinh tế vi mô                       |           | 3  | 25C1ECO50100167  | 40       | EEP001            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-403 | 08/10/25 - 03/12/25 |            |
| Luật kinh doanh                     |           | 3  | 25C1LAW51100146  | 40       | EEP001            | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-502 | 08/10/25 - 03/12/25 |            |
| Thống kê ứng dụng trong<br>Kế và KD |           | 3  | 25C1STA50800514  | 80       | EEP001,EE<br>P002 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-402 | 18/09/25 - 13/11/25 | Hủy        |
| Thống kê ứng dụng                   |           | 3  | 25C1MAT50813405  | 40       | EEP001            | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-402 | 18/09/25 - 13/11/25 | Bổ sung    |
| Marketing căn bản                   | EN        | 3  | 25C1BUS50307017  | 40       | EEP002            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-404 | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy        |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                |           |    | 25C1ADM535018140 | 40       | EEP002            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            | Hủy        |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                |           |    | 25C1ADM535019140 | 40       | EEP002            | 6   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 28/11/25            | Hủy        |
| Tiếng Anh tổng quát                 |           | 4  | 25C1ENG513154140 | 40       | EEP002            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | E302   | 07/10/25 - 09/12/25 | Hủy        |
|                                     |           |    |                  |          |                   | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-208 | 05/12/25 - 12/12/25 |            |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA TP] CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ THIẾT KẾ ĐA PHƯƠNG TIỆN KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV         | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ                                    |
|---------------------------|-----------|----|------------------|----------|----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|--------------------------------------------|
| Nền tảng trí tuệ nhân tạo |           | 3  | 25C1MED54814601  | 50       | DD0001         | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-412 | 06/10/25 - 22/12/25 |                                            |
| Nhập môn tâm lý học       |           | 2  | 25C1BUS50326432  | 50       | DD0001         | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-104 | 04/11/25 - 09/12/25 |                                            |
| Quản trị bản thân         |           | 2  | 25C1MED54823301  | 50       | DD0001         | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-505 | 19/09/25 - 05/12/25 |                                            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1      |           |    | 25C1ADM535018160 | 50       | DD0001         | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | ONLINE | 16/09/25            |                                            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2      |           |    | 25C1ADM535019160 | 50       | DD0001         | CN  | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 30/11/25            |                                            |
| Studio Thiết kế cơ bản 1  |           | 3  | 25C1MED54821701  | 50       | DD0.DDP.<br>01 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-215 | 17/09/25 - 10/12/25 | <b>[DD0,DDP]<br/>TKCB1- Lớp 1</b>          |
|                           |           |    |                  |          |                | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-215 | 10/11/25 - 08/12/25 |                                            |
| Tiếng Anh tổng quát       |           | 4  | 25C1ENG513154155 | 50       | DD0001         | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-508 | 08/10/25 - 10/12/25 |                                            |
|                           |           |    |                  |          |                | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-411 | 06/12/25 - 13/12/25 |                                            |
| Tư duy thiết kế           |           | 2  | 25C1TEC55005975  | 50       | DD0001         | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-405 | 04/11/25 - 09/12/25 |                                            |
| Nền tảng trí tuệ nhân tạo | EN        | 3  | 25C1MED54814701  | 40       | DDF001         | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-805 | 10/10/25 - 24/10/25 |                                            |
|                           |           |    |                  |          |                | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-804 | 31/10/25 - 26/12/25 |                                            |
| Nhập môn tâm lý học       | EN        | 2  | 25C1BUS50327202  | 40       | DDF001         | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-704 | 04/11/25 - 09/12/25 |                                            |
| Quản trị bản thân         | EN        | 2  | 25C1MED54823402  | 40       | DDF001         | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-408 | 19/09/25 - 05/12/25 |                                            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1      |           |    | 25C1ADM535018162 | 40       | DDF001         | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | ONLINE | 16/09/25            |                                            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2      |           |    | 25C1ADM535019162 | 40       | DDF001         | CN  | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 30/11/25            |                                            |
| Studio Thiết kế cơ bản 1  | EN        | 3  | 25C1MED54826601  | 20       | DDF.01         | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-216 | 15/09/25 - 08/12/25 | <b>[DDF] TKCB1 –<br/>Lớp 1</b>             |
|                           |           |    |                  |          |                | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-216 | 10/11/25 - 08/12/25 |                                            |
| Studio Thiết kế cơ bản 1  | EN        | 3  | 25C1MED54826602  | 20       | DDF.02         | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-110 | 20/09/25 - 13/12/25 | <b>Bổ sung<br/>[DDF] TKCB1 –<br/>Lớp 2</b> |
|                           |           |    |                  |          |                | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-110 | 12/11/25 - 10/12/25 |                                            |
| Tiếng Anh tổng quát       |           | 4  | 25C1ENG513154157 | 40       | DDF001         | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-805 | 08/10/25 - 10/12/25 |                                            |
|                           |           |    |                  |          |                | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-508 | 06/12/25 - 13/12/25 |                                            |
| Tư duy thiết kế           | EN        | 2  | 25C1TEC55006225  | 40       | DDF001         | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-505 | 04/11/25 - 09/12/25 |                                            |

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV         | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ                                  |
|---------------------------|-----------|----|------------------|----------|----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------------------------------------|
| Nền tảng trí tuệ nhân tạo |           | 3  | 25C1MED54814602  | 30       | DDP001         | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-103 | 10/10/25 - 26/12/25 |                                          |
| Nhập môn tâm lý học       |           | 2  | 25C1BUS50326433  | 30       | DDP001         | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-403 | 05/11/25 - 10/12/25 |                                          |
| Quản trị bản thân         | EN        | 2  | 25C1MED54823401  | 30       | DDP001         | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | A211   | 16/09/25 - 02/12/25 | Đổi tg.học                               |
| Sinh hoạt lớp buổi 1      |           |    | 25C1ADM535018161 | 30       | DDP001         | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | ONLINE | 17/09/25            |                                          |
| Sinh hoạt lớp buổi 2      |           |    | 25C1ADM535019161 | 30       | DDP001         | CN  | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 30/11/25            |                                          |
| Studio Thiết kế cơ bản 1  |           | 3  | 25C1MED54821702  | 40       | DD0.DDP.<br>02 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-110 | 18/09/25 - 11/12/25 | Đổi tg.học<br>[DD0,DDP]<br>TKCB1 – Lớp 2 |
|                           |           |    |                  |          |                | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-110 | 30/10/25 - 11/12/25 |                                          |
| Tiếng Anh tổng quát       |           | 4  | 25C1ENG513154156 | 30       | DDP001         | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | E402   | 10/10/25 - 12/12/25 | Đổi tg.học                               |
|                           |           |    |                  |          |                | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-211 | 02/12/25 - 09/12/25 |                                          |
| Tư duy thiết kế           |           | 2  | 25C1TEC55005976  | 30       | DDP001         | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-404 | 05/11/25 - 10/12/25 |                                          |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ NGHỆ THUẬT(ART TECH) KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ NGHỆ THUẬT (ART TECH) KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV         | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ                     |
|---------------------------|-----------|----|------------------|----------|----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|-----------------------------|
| Lịch sử thiết kế          |           | 2  | 25C1MED54825401  | 50       | AT0001         | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | A211   | 16/09/25 - 11/11/25 | Đổi tg.học                  |
| Quản trị bản thân         |           | 2  | 25C1MED54823302  | 50       | AT0001         | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-406 | 16/09/25 - 02/12/25 |                             |
| Sinh hoạt lớp buổi 1      |           |    | 25C1ADM535018163 | 50       | AT0001         | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | ONLINE | 17/09/25            |                             |
| Sinh hoạt lớp buổi 2      |           |    | 25C1ADM535019163 | 50       | AT0001         | CN  | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 30/11/25            |                             |
| Studio Thiết kế cơ bản 1  |           | 3  | 25C1MED54821703  | 40       | AT0.ATP.0<br>1 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-216 | 20/09/25 - 20/12/25 | <b>[AT]<br/>TKCB1_Lớp 1</b> |
|                           |           |    |                  |          |                | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-216 | 22/11/25 - 13/12/25 |                             |
| Studio Thiết kế đồ họa    |           | 3  | 25C1MED54824901  | 50       | AT0001         | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-402 | 19/09/25 - 26/12/25 | Đổi tg.học                  |
|                           |           |    |                  |          |                | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-405 | 10/12/25 - 24/12/25 |                             |
| Tiếng Anh tổng quát       |           | 4  | 25C1ENG513154158 | 50       | AT0001         | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | E102   | 02/10/25 - 11/12/25 |                             |
|                           |           |    |                  |          |                | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-404 | 01/12/25 - 08/12/25 |                             |
| Toán ứng dụng cho ArtTech |           | 3  | 25C1MED54814301  | 50       | AT0001         | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-505 | 08/10/25 - 24/12/25 |                             |
| Lịch sử thiết kế          |           | 2  | 25C1MED54825402  | 20       | ATP001         | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-212 | 15/09/25 - 10/11/25 | Đổi tg.học                  |
| Quản trị bản thân         | EN        | 2  | 25C1MED54823403  | 20       | ATP001         | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-504 | 20/09/25 - 15/11/25 | Đổi tg.học                  |
|                           |           |    |                  |          |                | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-407 | 17/11/25 - 01/12/25 |                             |
| Sinh hoạt lớp buổi 1      |           |    | 25C1ADM535018164 | 20       | ATP001         | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | ONLINE | 17/09/25            |                             |
| Sinh hoạt lớp buổi 2      |           |    | 25C1ADM535019164 | 20       | ATP001         | CN  | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 30/11/25            |                             |
| Studio Thiết kế cơ bản 1  |           | 3  | 25C1MED54821704  | 40       | AT0.ATP.0<br>2 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-216 | 20/09/25 - 20/12/25 | <b>[AT]<br/>TKCB1_Lớp 2</b> |
|                           |           |    |                  |          |                | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-216 | 22/11/25 - 13/12/25 |                             |
| Studio Thiết kế đồ họa    |           | 3  | 25C1MED54824902  | 20       | ATP001         | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-405 | 19/09/25 - 26/12/25 | Đổi tg.học                  |
|                           |           |    |                  |          |                | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-405 | 10/12/25 - 24/12/25 |                             |
| Tiếng Anh tổng quát       |           | 4  | 25C1ENG513154159 | 20       | ATP001         | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | E402   | 06/10/25 - 08/12/25 | Đổi tg.học                  |
|                           |           |    |                  |          |                | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-403 | 04/12/25 - 11/12/25 |                             |
| Toán ứng dụng cho ArtTech |           | 3  | 25C1MED54814302  | 20       | ATP001         | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-203 | 07/10/25 - 23/12/25 |                             |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THÔNG MINH KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN   | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Đồ án cơ bản 1 |           | 6  | 25C1SCM54907501 | 20       | 1      | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-215 | 19/09/25 - 16/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-215 | 19/09/25 - 16/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-215 | 07/01/26 - 14/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-215 | 07/01/26 - 14/01/26 |         |
| Đồ án cơ bản 1 |           | 6  | 25C1SCM54907502 | 20       | 2      | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-216 | 19/09/25 - 16/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-216 | 19/09/25 - 16/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-216 | 07/01/26 - 14/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-216 | 07/01/26 - 14/01/26 |         |
| Đồ án cơ bản 1 |           | 6  | 25C1SCM54907503 | 20       | 3      | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-216 | 19/09/25 - 16/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-216 | 19/09/25 - 16/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-216 | 07/01/26 - 14/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-216 | 07/01/26 - 14/01/26 |         |
| Đồ án cơ bản 1 |           | 6  | 25C1SCM54907504 | 20       | 4      | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-215 | 18/09/25 - 15/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-215 | 18/09/25 - 15/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-215 | 05/01/26 - 12/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-215 | 05/01/26 - 12/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-215 | 06/01/26 - 13/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-215 | 06/01/26 - 13/01/26 |         |
| Đồ án cơ bản 1 |           | 6  | 25C1SCM54907505 | 20       | 5      | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-216 | 18/09/25 - 15/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-216 | 18/09/25 - 15/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-216 | 05/01/26 - 12/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-216 | 05/01/26 - 12/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-216 | 06/01/26 - 13/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-216 | 06/01/26 - 13/01/26 |         |
| Đồ án cơ bản 1 |           | 6  | 25C1SCM54907506 | 20       | 6      | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-216 | 18/09/25 - 15/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-216 | 18/09/25 - 15/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-216 | 05/01/26 - 12/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-216 | 05/01/26 - 12/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-216 | 06/01/26 - 13/01/26 |         |
|                |           |    |                 |          |        | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-216 | 06/01/26 - 13/01/26 |         |

| TÊN HỌC PHẦN                 | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV   | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------------------|-----------|----|------------------|----------|----------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Cấu tạo công trình           |           | 3  | 25C1ARC51202101  | 30       | SC0001.1 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-104 | 29/10/25 - 24/12/25 |         |
| Nguyên lý thiết kế kiến trúc |           | 3  | 25C1ARC51201801  | 35       | SC0001.1 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-406 | 17/09/25 - 26/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1         |           |    | 25C1ADM535018165 | 35       | SC0001   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2         |           |    | 25C1ADM535019165 | 35       | SC0001   | CN  | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 30/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát          |           | 4  | 25C1ENG513154160 | 35       | SC0001.1 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | E102   | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                              |           |    |                  |          |          | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-310 | 29/11/25 - 13/12/25 |         |
| Cấu tạo công trình           |           | 3  | 25C1ARC51202102  | 30       | SC0001.2 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-304 | 30/10/25 - 08/01/26 |         |
| Nguyên lý thiết kế kiến trúc |           | 3  | 25C1ARC51201802  | 35       | SC0001.2 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-406 | 17/09/25 - 26/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1         |           |    | 25C1ADM535018166 | 35       | SC0002   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | ONLINE | 16/09/25            | Hủy     |
| Sinh hoạt lớp buổi 2         |           |    | 25C1ADM535019166 | 35       | SC0002   | CN  | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 30/11/25            | Hủy     |
| Tiếng Anh tổng quát          |           | 4  | 25C1ENG513154161 | 35       | SC0001.2 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | E402   | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                              |           |    |                  |          |          | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-311 | 29/11/25 - 13/12/25 |         |
| Cấu tạo công trình           |           | 3  | 25C1ARC51202103  | 21       | SCP001   | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-404 | 29/10/25 - 24/12/25 |         |
| Nguyên lý thiết kế kiến trúc |           | 3  | 25C1ARC51201803  | 21       | SCP001   | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-705 | 16/09/25 - 25/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1         |           |    | 25C1ADM535018167 | 21       | SCP001   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2         |           |    | 25C1ADM535019167 | 21       | SCP001   | CN  | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 30/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát          |           | 4  | 25C1ENG513154162 | 21       | SCP001   | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | E202   | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                              |           |    |                  |          |          | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-311 | 29/11/25 - 13/12/25 |         |

**[CT TV] NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-----------------------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100168  | 40       | FE0001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A319   | 15/09/25 - 10/11/25 | Đổi ph.học |
| Phương pháp nghiên cứu            |           | 2  | 25C1TEC55004901  | 40       | FE0001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | A315   | 19/09/25 - 24/10/25 | Hủy        |
| Nhập môn tâm lý học               |           | 2  | 25C1BUS50326437  | 40       | FE0001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | A315   | 19/09/25 - 24/10/25 | Bổ sung    |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM535018141 | 40       | FE0001 | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM535019141 | 40       | FE0001 | 7   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 29/11/25            |            |
| Thông kê ứng dụng trong Ktế và KD |           | 3  | 25C1STA50800517  | 40       | FE0001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A315   | 19/09/25 - 14/11/25 | Hủy        |
| Thông kê ứng dụng                 |           | 3  | 25C1MAT50813401  | 40       | FE0001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A315   | 19/09/25 - 14/11/25 | Bổ sung    |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG513154141 | 40       | FE0001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | E602   | 08/10/25 - 10/12/25 |            |
|                                   |           |    |                  |          |        | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-208 | 22/11/25 - 29/11/25 |            |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800153  | 40       | FE0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A315   | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy        |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813229  | 40       | FE0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A315   | 15/09/25 - 10/11/25 | Bổ sung    |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh              |           | 2  | 25C1HCM51000457  | 40       | FE0001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | A212   | 04/11/25 - 09/12/25 |            |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100169  | 40       | FEP001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | A306   | 17/09/25 - 12/11/25 |            |
| Phương pháp nghiên cứu            |           | 2  | 25C1TEC55004902  | 40       | FEP001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A401   | 15/09/25 - 20/10/25 | Hủy        |
| Nhập môn tâm lý học               |           | 2  | 25C1BUS50326438  | 40       | FEP001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A401   | 15/09/25 - 20/10/25 | Bổ sung    |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM535018142 | 40       | FEP001 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM535019142 | 40       | FEP001 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 25/11/25            |            |
| Thông kê ứng dụng trong Ktế và KD |           | 3  | 25C1STA50800518  | 40       | FEP001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A314   | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy        |
| Thông kê ứng dụng                 |           | 3  | 25C1MAT50813402  | 40       | FEP001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A314   | 15/09/25 - 10/11/25 | Bổ sung    |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG513154142 | 40       | FEP001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | E502   | 10/10/25 - 12/12/25 |            |
|                                   |           |    |                  |          |        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-211 | 02/12/25 - 09/12/25 |            |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800154  | 40       | FEP001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A309   | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy        |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813230  | 40       | FEP001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A309   | 17/09/25 - 12/11/25 | Bổ sung    |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh              |           | 2  | 25C1HCM51000458  | 40       | FEP001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | A316   | 30/10/25 - 11/12/25 |            |

**[CT TV] NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Nhập môn tâm lý học   |           | 2  | 25C1BUS50326435  | 55       | TI0001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | A302   | 16/09/25 - 21/10/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1  |           |    | 25C1ADM535018143 | 55       | TI0001 | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2  |           |    | 25C1ADM535019143 | 55       | TI0001 | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 26/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát   |           | 4  | 25C1ENG513154143 | 55       | TI0001 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | A314   | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
|                       |           |    |                  |          |        | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A302   | 03/12/25 - 10/12/25 |         |
| Toán dành cho tin học |           | 3  | 25C1INF50901110  | 55       | TI0001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | A201   | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Triết học Mác Lênin   |           | 3  | 25C1PHI51002376  | 55       | TI0001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | A211   | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Tư duy thiết kế       |           | 2  | 25C1TEC55005967  | 55       | TI0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | A211   | 18/09/25 - 23/10/25 |         |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh  |           | 2  | 25C1HCM51000459  | 55       | TI0001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | A401   | 07/11/25 - 12/12/25 |         |
| Nhập môn tâm lý học   |           | 2  | 25C1BUS50326436  | 22       | TIP001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A306   | 17/09/25 - 22/10/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1  |           |    | 25C1ADM535018144 | 22       | TIP001 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2  |           |    | 25C1ADM535019144 | 22       | TIP001 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 25/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát   |           | 4  | 25C1ENG513154144 | 22       | TIP001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-306 | 10/10/25 - 12/12/25 |         |
|                       |           |    |                  |          |        | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-212 | 02/12/25 - 09/12/25 |         |
| Toán dành cho tin học |           | 3  | 25C1INF50901111  | 22       | TIP001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | A314   | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Triết học Mác Lênin   |           | 3  | 25C1PHI51002377  | 22       | TIP001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A211   | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Tư duy thiết kế       | EN        | 2  | 25C1TEC55006224  | 22       | TIP001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A211   | 22/09/25 - 27/10/25 |         |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh  |           | 2  | 25C1HCM51000460  | 22       | TIP001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | A316   | 30/10/25 - 11/12/25 |         |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ LOGISTICS KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ LOGISTICS KHÓA 50 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV         | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD      | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------------------|-----------|----|------------------|----------|----------------|-----|----|---------------|---------|---------------------|---------|
| Khoa học máy tính 1                       |           | 3  | 25C1INT54700702  | 46       | LT0001         | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-701  | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Kỹ năng mềm                               |           | 2  | 25C1BUS50309519  | 46       | LT0001         | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-505  | 19/09/25 - 24/10/25 |         |
| Kỹ thuật điện - điện tử                   |           | 3  | 25C1INT54700802  | 46       | LT0001         | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-506  | 09/10/25 - 11/12/25 |         |
| Mỹ thuật công nghiệp                      |           | 2  | 25C1INT54709403  | 46       | LT0001         | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-804  | 19/09/25 - 24/10/25 |         |
| Nhập môn công nghệ logistics              |           | 3  | 25C1INT54704601  | 46       | LT0001         | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-703  | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                      |           |    | 25C1ADM535018156 | 46       | LT0001         | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | ONLINE  | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                      |           |    | 25C1ADM535019156 | 46       | LT0001         | CN  | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE  | 30/11/25            |         |
| Toán nền tảng cho kỹ thuật 1              |           | 3  | 25C1INT54712003  | 46       | LT0001         | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-405  | 16/09/25 - 11/11/25 |         |
| Vật lý 1                                  |           | 3  | 25C1INT54700103  | 46       | LT0001         | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-405  | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Vẽ kỹ thuật                               |           | 3  | 25C1INT54700902  | 46       | LT0001         | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(2.01) | 20/09/25 - 15/11/25 |         |
| Luật Khoa học công nghệ và Sở hữu trí tuệ |           | 1  | 25C1LAW51113502  | 65       | LT0001,LT P001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-407  | 24/11/25 - 08/12/25 |         |
| Khoa học máy tính 1                       | EN        | 3  | 25C1INT54706002  | 19       | LTP001         | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-412  | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Kỹ năng mềm                               |           | 2  | 25C1BUS50309520  | 19       | LTP001         | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-406  | 19/09/25 - 24/10/25 |         |
| Kỹ thuật điện - điện tử                   | EN        | 3  | 25C1INT54707502  | 19       | LTP001         | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-412  | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Mỹ thuật công nghiệp                      |           | 2  | 25C1INT54709404  | 19       | LTP001         | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-404  | 19/09/25 - 24/10/25 |         |
| Nhập môn công nghệ logistics              | EN        | 3  | 25C1INT54707401  | 19       | LTP001         | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-412  | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                      |           |    | 25C1ADM535018157 | 19       | LTP001         | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | ONLINE  | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                      |           |    | 25C1ADM535019157 | 19       | LTP001         | CN  | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE  | 30/11/25            |         |
| Toán nền tảng cho kỹ thuật 1              |           | 3  | 25C1INT54712004  | 19       | LTP001         | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-404  | 16/09/25 - 11/11/25 |         |
| Vật lý 1                                  |           | 3  | 25C1INT54700104  | 19       | LTP001         | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-405  | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Vẽ kỹ thuật                               | EN        | 3  | 25C1INT54707602  | 19       | LTP001         | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-510  | 04/10/25 - 13/12/25 |         |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------------------|-----------|----|------------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Khoa học máy tính 1                       |           | 3  | 25C1INT54700701  | 40       | RA0001            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-302 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Kỹ năng mềm                               |           | 2  | 25C1BUS50309517  | 40       | RA0001            | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-404 | 17/09/25 - 22/10/25 |         |
| Kỹ thuật điện - điện tử                   |           | 3  | 25C1INT54700801  | 40       | RA0001            | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-206 | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Mỹ thuật công nghiệp                      |           | 2  | 25C1INT54709401  | 40       | RA0001            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-403 | 17/09/25 - 22/10/25 |         |
| Nhập môn Robot và trí tuệ nhân tạo        |           | 3  | 25C1INT54700601  | 40       | RA0001            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-303 | 09/10/25 - 11/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                      |           |    | 25C1ADM535018154 | 40       | RA0001            | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                      |           |    | 25C1ADM535019154 | 40       | RA0001            | CN  | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 30/11/25            |         |
| Toán nền tảng cho kỹ thuật 1              |           | 3  | 25C1INT54712001  | 40       | RA0001            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-104 | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Vật lý 1                                  |           | 3  | 25C1INT54700101  | 40       | RA0001            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-403 | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Vẽ kỹ thuật                               |           | 3  | 25C1INT54700901  | 40       | RA0001            | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-405 | 20/09/25 - 15/11/25 |         |
| Luật Khoa học công nghệ và Sở hữu trí tuệ |           | 1  | 25C1LAW51113501  | 80       | RA0001,R<br>AP001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-408 | 19/11/25 - 03/12/25 |         |
| Khoa học máy tính 1                       | EN        | 3  | 25C1INT54706001  | 40       | RAP001            | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-301 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Kỹ năng mềm                               |           | 2  | 25C1BUS50309518  | 40       | RAP001            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-404 | 17/09/25 - 22/10/25 |         |
| Kỹ thuật điện - điện tử                   | EN        | 3  | 25C1INT54707501  | 40       | RAP001            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-303 | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Mỹ thuật công nghiệp                      |           | 2  | 25C1INT54709402  | 40       | RAP001            | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-104 | 17/09/25 - 22/10/25 |         |
| Nhập môn Robot và trí tuệ nhân tạo        | EN        | 3  | 25C1INT54708701  | 40       | RAP001            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-702 | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                      |           |    | 25C1ADM535018155 | 40       | RAP001            | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                      |           |    | 25C1ADM535019155 | 40       | RAP001            | CN  | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 30/11/25            |         |
| Toán nền tảng cho kỹ thuật 1              |           | 3  | 25C1INT54712002  | 40       | RAP001            | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-103 | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Vật lý 1                                  |           | 3  | 25C1INT54700102  | 40       | RAP001            | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-405 | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Vẽ kỹ thuật                               | EN        | 3  | 25C1INT54707601  | 40       | RAP001            | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-510 | 04/10/25 - 13/12/25 |         |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH VÀ TỰ ĐỘNG HÓA KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH VÀ TỰ ĐỘNG HÓA KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV        | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD      | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------------------|-----------|----|------------------|----------|---------------|-----|----|---------------|---------|---------------------|---------|
| Khoa học máy tính 1                           |           | 3  | 25C1INT54700703  | 40       | IC0001        | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-805  | 11/10/25 - 06/12/25 |         |
| Kỹ năng mềm                                   |           | 2  | 25C1BUS50309521  | 40       | IC0001        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-302  | 04/11/25 - 09/12/25 |         |
| Kỹ thuật điện - điện tử                       |           | 3  | 25C1INT54700803  | 40       | IC0001        | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-802  | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Mỹ thuật công nghiệp                          |           | 2  | 25C1INT54709405  | 40       | IC0001        | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-406  | 16/09/25 - 21/10/25 |         |
| Nhập môn điều khiển thông minh và tự động hóa |           | 3  | 25C1INT54709501  | 40       | IC0001        | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-306  | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                          |           |    | 25C1ADM535018158 | 40       | IC0001        | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | ONLINE  | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                          |           |    | 25C1ADM535019158 | 40       | IC0001        | CN  | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 30/11/25            |         |
| Toán nền tảng cho kỹ thuật 1                  |           | 3  | 25C1INT54712005  | 40       | IC0001        | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-405  | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Vật lý 1                                      |           | 3  | 25C1INT54700105  | 40       | IC0001        | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-406  | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Vẽ kỹ thuật                                   |           | 3  | 25C1INT54700903  | 40       | IC0001        | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-807  | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Luật Khoa học công nghệ và Sở hữu trí tuệ     |           | 1  | 25C1LAW51113503  | 80       | IC0001,ICP001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-308  | 26/11/25 - 10/12/25 |         |
| Khoa học máy tính 1                           | EN        | 3  | 25C1INT54706003  | 40       | ICP001        | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.01) | 11/10/25 - 06/12/25 |         |
| Kỹ năng mềm                                   |           | 2  | 25C1BUS50309522  | 40       | ICP001        | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-406  | 04/11/25 - 09/12/25 |         |
| Kỹ thuật điện - điện tử                       | EN        | 3  | 25C1INT54707503  | 40       | ICP001        | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-101  | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Mỹ thuật công nghiệp                          |           | 2  | 25C1INT54709406  | 40       | ICP001        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-405  | 16/09/25 - 21/10/25 |         |
| Nhập môn điều khiển thông minh và tự động hóa | EN        | 3  | 25C1INT54709601  | 40       | ICP001        | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-206  | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                          |           |    | 25C1ADM535018159 | 40       | ICP001        | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | ONLINE  | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                          |           |    | 25C1ADM535019159 | 40       | ICP001        | CN  | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 30/11/25            |         |
| Toán nền tảng cho kỹ thuật 1                  |           | 3  | 25C1INT54712006  | 40       | ICP001        | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-104  | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Vật lý 1                                      |           | 3  | 25C1INT54700106  | 40       | ICP001        | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-405  | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Vẽ kỹ thuật                                   | EN        | 3  | 25C1INT54707603  | 40       | ICP001        | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-510  | 15/09/25 - 10/11/25 |         |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH PHÂN TÍCH DỮ LIỆU KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Khoa học máy tính 1                       |           | 3  | 25C1INT54700704  | 50       | DA0001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-410 | 09/10/25 - 11/12/25 |         |
| Kỹ năng mềm                               |           | 2  | 25C1BUS50309525  | 50       | DA0001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-702 | 15/09/25 - 29/09/25 |         |
|                                           |           |    |                  |          |        | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-409 | 06/10/25 - 20/10/25 |         |
| Luật Khoa học công nghệ và Sở hữu trí tuệ |           | 1  | 25C1LAW51113504  | 50       | DA0001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-310 | 17/11/25 - 01/12/25 |         |
| Nhập môn phân tích dữ liệu                |           | 3  | 25C1INT54715101  | 50       | DA0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-412 | 18/09/25 - 13/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1                      |           |    | 25C1ADM535018172 | 50       | DA0001 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2                      |           |    | 25C1ADM535019172 | 50       | DA0001 | CN  | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 30/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát                       |           | 4  | 25C1ENG513154163 | 50       | DA0001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-807 | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                                           |           |    |                  |          |        | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-504 | 06/12/25 - 13/12/25 |         |
| Toán dành cho phân tích dữ liệu           |           | 3  | 25C1INT54714401  | 50       | DA0001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-508 | 08/10/25 - 22/10/25 |         |
|                                           |           |    |                  |          |        | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B1-708 | 29/10/25 - 03/12/25 |         |
| Tư duy thiết kế                           |           | 2  | 25C1TEC55005978  | 50       | DA0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-408 | 15/09/25 - 29/09/25 |         |
|                                           |           |    |                  |          |        | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B1-807 | 06/10/25 - 20/10/25 |         |
| Xác suất thống kê dành cho kỹ sư          |           | 3  | 25C1INT54709901  | 50       | DA0001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-303 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |

**[CT TV] NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|----------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100159  | 46       | RE0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | A306   | 02/10/25 - 04/12/25 |            |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100137  | 46       | RE0001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | A306   | 02/10/25 - 04/12/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018121 | 46       | RE0001 | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019121 | 46       | RE0001 | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 26/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154121 | 46       | RE0001 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | E501   | 11/10/25 - 13/12/25 |            |
|                      |           |    |                  |          |        | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | A313   | 03/12/25 - 10/12/25 |            |
| Toán ứng dụng        |           | 3  | 25C1MAT50813205  | 46       | RE0001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | A306   | 16/09/25 - 11/11/25 |            |
| Triết học Mác LêNin  |           | 3  | 25C1PHI51002364  | 46       | RE0001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | A316   | 16/09/25 - 11/11/25 |            |
| Tư duy thiết kế      |           | 2  | 25C1TEC55005964  | 46       | RE0001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | A201   | 26/09/25 - 31/10/25 |            |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100160  | 46       | RE0002 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A315   | 06/10/25 - 01/12/25 | Đổi ph.học |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100138  | 46       | RE0002 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A309   | 06/10/25 - 01/12/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018122 | 46       | RE0002 | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019122 | 46       | RE0002 | 7   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 29/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154122 | 46       | RE0002 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | E502   | 08/10/25 - 10/12/25 |            |
|                      |           |    |                  |          |        | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | A104a  | 22/11/25 - 29/11/25 |            |
| Toán ứng dụng        |           | 3  | 25C1MAT50813206  | 46       | RE0002 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A212   | 19/09/25 - 14/11/25 |            |
| Triết học Mác LêNin  |           | 3  | 25C1PHI51002365  | 46       | RE0002 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | A212   | 19/09/25 - 14/11/25 |            |
| Tư duy thiết kế      |           | 2  | 25C1TEC55005965  | 46       | RE0002 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | A212   | 23/09/25 - 28/10/25 |            |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100161  | 40       | RE0003 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | A303   | 08/10/25 - 03/12/25 | Hủy        |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100139  | 40       | RE0003 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A315   | 08/10/25 - 03/12/25 | Hủy        |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018123 | 40       | RE0003 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            | Hủy        |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019123 | 40       | RE0003 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 25/11/25            | Hủy        |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154123 | 40       | RE0003 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | E501   | 10/10/25 - 12/12/25 | Hủy        |
|                      |           |    |                  |          |        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | A217   | 02/12/25 - 09/12/25 |            |
| Toán ứng dụng        |           | 3  | 25C1MAT50813207  | 40       | RE0003 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A316   | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy        |
| Triết học Mác LêNin  |           | 3  | 25C1PHI51002366  | 40       | RE0003 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A302   | 15/09/25 - 29/09/25 | Hủy        |
|                      |           |    |                  |          |        | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A212   | 06/10/25 - 10/11/25 |            |
| Tư duy thiết kế      |           | 2  | 25C1TEC55005966  | 40       | RE0003 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | A316   | 18/09/25 - 23/10/25 | Hủy        |

**[CT TV] NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|------------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100158  | 45       | AR0001,A<br>RP001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A303   | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100136  | 45       | AR0001,A<br>RP001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A303   | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018120 | 45       | AR0001,A<br>RP001 | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019120 | 45       | AR0001,A<br>RP001 | 7   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154120 | 45       | AR0001,A<br>RP001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | E501   | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |                   | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | A303   | 06/12/25 - 13/12/25 |         |
| Toán ứng dụng        |           | 3  | 25C1MAT50813212  | 45       | AR0001,A<br>RP001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | A314   | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Triết học Mác LêNin  |           | 3  | 25C1PHI51002363  | 45       | AR0001,A<br>RP001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A211   | 19/09/25 - 14/11/25 |         |

**[CT TV] NGÀNH KINH TẾ KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH TẾ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|------------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018107 | 40       | ECO001            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019107 | 40       | ECO001            | 7   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154107 | 40       | ECO001            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | E202   | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |                   | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | A302   | 22/11/25 - 29/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100150  | 80       | ECO001,E<br>CO002 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A302   | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100128  | 80       | ECO001,E<br>CO002 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A302   | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Toán ứng dụng        |           | 3  | 25C1MAT50813213  | 80       | ECO001,E<br>CO002 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A217   | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Triết học Mác LêNin  |           | 3  | 25C1PHI51002355  | 80       | ECO001,E<br>CO002 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | A217   | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018108 | 40       | ECO002            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019108 | 40       | ECO002            | 7   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154108 | 40       | ECO002            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | E402   | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |                   | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | A306   | 22/11/25 - 29/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100151  | 45       | ECOP01            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A306   | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100129  | 45       | ECOP01            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A306   | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018109 | 45       | ECOP01            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019109 | 45       | ECOP01            | 7   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154109 | 45       | ECOP01            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | E501   | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |                   | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | A104a  | 06/12/25 - 13/12/25 |         |
| Toán ứng dụng        |           | 3  | 25C1MAT50813214  | 45       | ECOP01            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A306   | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Triết học Mác LêNin  |           | 3  | 25C1PHI51002356  | 45       | ECOP01            | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | A306   | 19/09/25 - 14/11/25 |         |

**[CT TV] NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV        | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|------------------|----------|---------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018110 | 50       | IV0001        | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019110 | 50       | IV0001        | 6   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 28/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát  | 4         |    | 25C1ENG513154110 | 50       | IV0001        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | H101   | 07/10/25 - 09/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |               | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-307 | 05/12/25 - 12/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100152  | 100      | IV0001,IV0002 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-109 | 11/10/25 - 06/12/25 |         |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100130  | 100      | IV0001,IV0002 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-109 | 11/10/25 - 06/12/25 |         |
| Toán ứng dụng        |           | 3  | 25C1MAT50813202  | 100      | IV0001,IV0002 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-408 | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Triết học Mác LêNin  |           | 3  | 25C1PHI51002357  | 100      | IV0001,IV0002 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-408 | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018111 | 50       | IV0002        | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019111 | 50       | IV0002        | 6   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 28/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát  | 4         |    | 25C1ENG513154111 | 50       | IV0002        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | H201   | 07/10/25 - 09/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |               | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-308 | 05/12/25 - 12/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018112 | 50       | IVP001        | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019112 | 50       | IVP001        | 5   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 27/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát  | 4         |    | 25C1ENG513154112 | 50       | IVP001        | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | H201   | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |               | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-308 | 04/12/25 - 11/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100153  | 100      | IVP001,IVP002 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-310 | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100131  | 100      | IVP001,IVP002 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-408 | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Toán ứng dụng        |           | 3  | 25C1MAT50813203  | 100      | IVP001,IVP002 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-408 | 16/09/25 - 11/11/25 |         |
| Triết học Mác LêNin  |           | 3  | 25C1PHI51002358  | 100      | IVP001,IVP002 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-407 | 17/09/25 - 12/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018113 | 50       | IVP002        | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019113 | 50       | IVP002        | 5   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 27/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát  | 4         |    | 25C1ENG513154113 | 50       | IVP002        | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | H204   | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |               | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-310 | 04/12/25 - 11/12/25 |         |

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100177  | 47       | IV0003 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | A303   | 08/10/25 - 03/12/25 | Bổ sung |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100140  | 47       | IV0003 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A315   | 08/10/25 - 03/12/25 | Bổ sung |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018179 | 47       | IV0003 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            | Bổ sung |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019179 | 47       | IV0003 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 25/11/25            | Bổ sung |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154166 | 47       | IV0003 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | E501   | 10/10/25 - 12/12/25 | Bổ sung |
|                      |           |    |                  |          |        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | A217   | 02/12/25 - 09/12/25 |         |
| Toán ứng dụng        |           | 3  | 25C1MAT50813256  | 47       | IV0003 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A316   | 15/09/25 - 10/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác LêNin  |           | 3  | 25C1PHI51002380  | 47       | IV0003 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A302   | 15/09/25 - 29/09/25 | Bổ sung |
|                      |           |    |                  |          |        | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A212   | 06/10/25 - 10/11/25 |         |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV                       | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|----------------------|-----------|----|------------------|----------|------------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018114 | 40       | VA0001                       | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019114 | 40       | VA0001                       | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 26/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154114 | 40       | VA0001                       | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | E202   | 11/10/25 - 13/12/25 | Đổi ph.học |
|                      |           |    |                  |          |                              | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A309   | 03/12/25 - 10/12/25 |            |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100154  | 80       | VA0001,V<br>A0002,VA<br>P001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | A302   | 02/10/25 - 04/12/25 |            |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100132  | 80       | VA0001,V<br>A0002,VA<br>P001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | A302   | 02/10/25 - 04/12/25 |            |
| Toán ứng dụng        |           | 3  | 25C1MAT50813209  | 80       | VA0001,V<br>A0002,VA<br>P001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | A217   | 16/09/25 - 11/11/25 |            |
| Triết học Mác LêNin  |           | 3  | 25C1PHI51002359  | 80       | VA0001,V<br>A0002,VA<br>P001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | A217   | 16/09/25 - 11/11/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018115 | 40       | VA0002                       | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019115 | 40       | VA0002                       | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 26/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154115 | 40       | VA0002,V<br>AP001            | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | E402   | 11/10/25 - 13/12/25 |            |
|                      |           |    |                  |          |                              | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A316   | 03/12/25 - 10/12/25 |            |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100155  | 40       | VAP001                       | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | A316   | 10/10/25 - 05/12/25 | Hủy        |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100133  | 40       | VAP001                       | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A316   | 10/10/25 - 05/12/25 | Hủy        |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018116 | 11       | VAP001                       | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            | Đổi tg.học |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019116 | 11       | VAP001                       | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 26/11/25            | Đổi tg.học |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154116 | 40       | VAP001                       | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | E202   | 06/10/25 - 08/12/25 | Hủy        |
|                      |           |    |                  |          |                              | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | A315   | 04/12/25 - 11/12/25 |            |
| Toán ứng dụng        |           | 3  | 25C1MAT50813210  | 40       | VAP001                       | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A316   | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy        |
| Triết học Mác LêNin  |           | 3  | 25C1PHI51002360  | 40       | VAP001                       | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | A316   | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy        |

**[CT TV] NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|------------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018117 | 50       | HR0001            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019117 | 50       | HR0001            | 2   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 24/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát  | 4         |    | 25C1ENG513154117 | 50       | HR0001            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | E501   | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |                   | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-109 | 17/11/25 - 24/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100156  | 100      | HR0001,H<br>R0002 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-407 | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100134  | 100      | HR0001,H<br>R0002 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-408 | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Toán ứng dụng        |           | 3  | 25C1MAT50813215  | 100      | HR0001,H<br>R0002 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-311 | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Triết học Mác LêNin  |           | 3  | 25C1PHI51002361  | 100      | HR0001,H<br>R0002 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-408 | 20/09/25 - 15/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018118 | 50       | HR0002            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019118 | 50       | HR0002            | 2   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 24/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát  | 4         |    | 25C1ENG513154118 | 50       | HR0002            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | E502   | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |                   | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-307 | 17/11/25 - 24/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100157  | 55       | HRP001            | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A212   | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100135  | 55       | HRP001            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | A211   | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018119 | 55       | HRP001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019119 | 55       | HRP001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 25/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát  | 4         |    | 25C1ENG513154119 | 55       | HRP001            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | H101   | 10/10/25 - 12/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |                   | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | A217   | 02/12/25 - 09/12/25 |         |
| Toán ứng dụng        |           | 3  | 25C1MAT50813216  | 55       | HRP001            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A201   | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Triết học Mác LêNin  |           | 3  | 25C1PHI51002362  | 55       | HRP001            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A201   | 15/09/25 - 10/11/25 |         |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD      | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|----------------------|-----------|----|------------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|---------|---------------------|------------|
| Kỹ năng mềm          |           | 2  | 25C1BUS50309523  | 40       | LQ0001            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.01) | 30/10/25 - 11/12/25 |            |
| Luật hiến pháp       |           | 2  | 25C1LAW51106105  | 40       | LQ0001            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.01) | 18/09/25 - 23/10/25 |            |
| Nhập môn luật học    |           | 3  | 25C1LAW51104106  | 40       | LQ0001            | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-406  | 11/10/25 - 06/12/25 | Đổi tg.học |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018131 | 40       | LQ0001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 16/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019131 | 40       | LQ0001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 25/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154131 | 40       | LQ0001            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-410  | 10/10/25 - 12/12/25 |            |
|                      |           |    |                  |          |                   | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(2.02) | 02/12/25 - 09/12/25 |            |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100176  | 80       | LQ0001,LQ<br>P001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.02) | 15/09/25 - 10/11/25 |            |
| Triết học Mác Lênin  |           | 3  | 25C1PHI51002371  | 80       | LQ0001,LQ<br>P001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(2.02) | 15/09/25 - 10/11/25 |            |
| Kỹ năng mềm          |           | 2  | 25C1BUS50309524  | 40       | LQP001            | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.03) | 30/10/25 - 11/12/25 |            |
| Luật hiến pháp       |           | 2  | 25C1LAW51106106  | 40       | LQP001            | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.03) | 18/09/25 - 23/10/25 |            |
| Nhập môn luật học    |           | 3  | 25C1LAW51104107  | 40       | LQP001            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.03) | 09/10/25 - 11/12/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018132 | 40       | LQP001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 16/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019132 | 40       | LQP001            | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 25/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154132 | 40       | LQP001            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-411  | 10/10/25 - 12/12/25 |            |
|                      |           |    |                  |          |                   | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.03) | 02/12/25 - 09/12/25 |            |

**[CT TV] NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD      | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|----------------------|-----------|----|------------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|---------|---------------------|------------|
| Luật hiến pháp       |           | 2  | 25C1LAW51106101  | 40       | EL0001            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.01) | 15/09/25 - 20/10/25 |            |
| Nhập môn Luật dân sự |           | 2  | 25C1LAW51116201  | 40       | EL0001            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.01) | 27/10/25 - 01/12/25 |            |
| Nhập môn luật học    |           | 3  | 25C1LAW51104102  | 40       | EL0001            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.01) | 13/10/25 - 08/12/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018127 | 40       | EL0001            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE  | 16/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019127 | 40       | EL0001            | 6   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE  | 28/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154127 | 40       | EL0001            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | E602    | 07/10/25 - 09/12/25 |            |
|                      |           |    |                  |          |                   | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.03) | 05/12/25 - 12/12/25 |            |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100174  | 80       | EL0001,EL<br>0002 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.02) | 18/09/25 - 13/11/25 |            |
| Triết học Mác Lênin  |           | 3  | 25C1PHI51002369  | 80       | EL0001,EL<br>0002 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.02) | 18/09/25 - 13/11/25 |            |
| Luật hiến pháp       |           | 2  | 25C1LAW51106102  | 40       | EL0002            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.02) | 15/09/25 - 20/10/25 |            |
| Nhập môn Luật dân sự |           | 2  | 25C1LAW51116202  | 40       | EL0002            | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | A316    | 01/11/25 - 06/12/25 | Đổi tg.học |
| Nhập môn luật học    |           | 3  | 25C1LAW51104103  | 40       | EL0002            | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A211    | 08/10/25 - 22/10/25 | Đổi tg.học |
|                      |           |    |                  |          |                   | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A306    | 29/10/25 - 03/12/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018128 | 40       | EL0002            | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE  | 16/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019128 | 40       | EL0002            | 6   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE  | 28/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154128 | 40       | EL0002            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | E502    | 07/10/25 - 09/12/25 |            |
|                      |           |    |                  |          |                   | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.01) | 05/12/25 - 12/12/25 |            |

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV        | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD      | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|------------------|----------|---------------|-----|----|---------------|---------|---------------------|---------|
| Luật hiến pháp       |           | 2  | 25C1LAW51106103  | 40       | ELP001        | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.01) | 16/09/25 - 21/10/25 |         |
| Nhập môn Luật dân sự |           | 2  | 25C1LAW51116203  | 40       | ELP001        | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.01) | 28/10/25 - 02/12/25 |         |
| Nhập môn luật học    |           | 3  | 25C1LAW51104104  | 40       | ELP001        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.01) | 14/10/25 - 09/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018129 | 40       | ELP001        | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE  | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019129 | 40       | ELP001        | 2   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 24/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154129 | 40       | ELP001        | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | E501    | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |               | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(0.02) | 01/12/25 - 08/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100175  | 80       | ELP001,E0003  | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(2.02) | 20/09/25 - 15/11/25 |         |
| Triết học Mác Lênin  |           | 3  | 25C1PHI51002370  | 80       | ELP001,EL0003 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(2.02) | 20/09/25 - 15/11/25 |         |
| Luật hiến pháp       |           | 2  | 25C1LAW51106104  | 40       | EL0003        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.02) | 16/09/25 - 21/10/25 |         |
| Nhập môn Luật dân sự |           | 2  | 25C1LAW51116204  | 40       | EL0003        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(0.02) | 28/10/25 - 02/12/25 |         |
| Nhập môn luật học    |           | 3  | 25C1LAW51104105  | 40       | EL0003        | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.02) | 14/10/25 - 09/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018130 | 40       | EL0003        | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE  | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019130 | 40       | EL0003        | 2   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 24/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154130 | 40       | EL0003        | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | E502    | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |               | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(2.01) | 01/12/25 - 08/12/25 |         |

**[CT TV] NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|----------------------|-----------|----|------------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018125 | 40       | PM0001            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019125 | 40       | PM0001            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 27/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154125 | 40       | PM0.PMP.<br>01    | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | E501   | 06/10/25 - 08/12/25 |            |
|                      |           |    |                  |          |                   | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | A211   | 04/12/25 - 11/12/25 |            |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100162  | 80       | PM0001,P<br>MP001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | A302   | 10/10/25 - 05/12/25 |            |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100141  | 80       | PM0001,P<br>MP001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A401   | 10/10/25 - 05/12/25 |            |
| Toán ứng dụng        |           | 3  | 25C1MAT50813204  | 80       | PM0001,P<br>MP001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A302   | 17/09/25 - 12/11/25 |            |
| Triết học Mác LêNin  |           | 3  | 25C1PHI51002368  | 80       | PM0001,P<br>MP001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | A302   | 17/09/25 - 12/11/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018126 | 40       | PMP001            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019126 | 40       | PMP001            | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 27/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154126 | 40       | PM0.PMP.<br>02    | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | E502   | 06/10/25 - 08/12/25 | Đôi ph.học |
|                      |           |    |                  |          |                   | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | A314   | 04/12/25 - 11/12/25 |            |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH THUẾ KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THUẾ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV                       | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|------------------|----------|------------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG51315419  | 55       | TA0.TAP.0<br>1               | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | A303   | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |                              | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-109 | 01/12/25 - 08/12/25 |         |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG51315420  | 55       | TA0.TAP.0<br>2               | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | A309   | 02/10/25 - 11/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |                              | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-103 | 01/12/25 - 08/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM53501819  | 55       | TA0001                       | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM53501919  | 55       | TA0001                       | 2   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 24/11/25            |         |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100110  | 110      | TA0001,TA<br>0002,TAP0<br>01 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-207 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100108  | 110      | TA0001,TA<br>0002,TAP0<br>01 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-109 | 07/10/25 - 02/12/25 |         |
| Toán ứng dụng        |           | 3  | 25C1MAT50813208  | 110      | TA0001,TA<br>0002,TAP0<br>01 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-208 | 20/09/25 - 15/11/25 |         |
| Triết học Mác LêNin  |           | 3  | 25C1PHI51002312  | 110      | TA0001,TA<br>0002,TAP0<br>01 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-208 | 20/09/25 - 15/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM53501820  | 55       | TAP001                       | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM53501920  | 55       | TAP001                       | 2   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 24/11/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018177 | 55       | TA0002                       | 5   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 18/09/25            | Bổ sung |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019177 | 55       | TA0002                       | 2   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 24/11/25            | Bổ sung |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV                       | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|------------------|----------|------------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG51315421  | 55       | HQ0.HQP.<br>01               | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A303   | 10/10/25 - 12/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |                              | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-207 | 02/12/25 - 09/12/25 |         |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG51315422  | 55       | HQ0.HQP.<br>02               | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A309   | 10/10/25 - 12/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |                              | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-208 | 02/12/25 - 09/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM53501821  | 55       | HQ0001                       | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM53501921  | 55       | HQ0001                       | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 25/11/25            |         |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100111  | 110      | HQ0001,H<br>Q0002,HQ<br>P001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-109 | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100109  | 110      | HQ0001,H<br>Q0002,HQ<br>P001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-109 | 08/10/25 - 03/12/25 |         |
| Toán ứng dụng        |           | 3  | 25C1MAT50813211  | 110      | HQ0001,H<br>Q0002,HQ<br>P001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-208 | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Triết học Mác Lênin  |           | 3  | 25C1PHI51002313  | 110      | HQ0001,H<br>Q0002,HQ<br>P001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-208 | 15/09/25 - 10/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM53501822  | 55       | HQP001                       | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM53501922  | 55       | HQP001                       | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 25/11/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018178 | 55       | HQ0002                       | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 16/09/25            | Bổ sung |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019178 | 55       | HQ0002                       | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 25/11/25            | Bổ sung |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ BỀN VỮNG DOANH NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD      | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|---------|---------------------|---------|
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100172  | 50       | SM0001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.01) | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Quản trị học                      |           | 3  | 25C1MAN50200128  | 50       | SM0001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.03) | 10/10/25 - 05/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM535018151 | 50       | SM0001 | 3   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 16/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM535019151 | 50       | SM0001 | 5   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE  | 27/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG513154152 | 50       | SM0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | E501    | 06/10/25 - 08/12/25 |         |
|                                   |           |    |                  |          |        | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(1.02) | 04/12/25 - 11/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800108  | 50       | SM0001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(0.02) | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy     |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813252  | 50       | SM0001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | C(0.02) | 17/09/25 - 12/11/25 | Bổ sung |
| Triết học Mác LêNin               |           | 3  | 25C1PHI51002373  | 50       | SM0001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | C(1.02) | 17/09/25 - 12/11/25 |         |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|------------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Giải tích 1          |           | 3  | 25C1MAT50803201  | 40       | AS0001            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | A315   | 16/09/25 - 11/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018134 | 40       | AS0001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019134 | 40       | AS0001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 26/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154134 | 40       | AS0001            | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | E202   | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |                   | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | A302   | 19/11/25 - 26/11/25 |         |
| Đại số tuyến tính    |           | 3  | 25C1MAT50803101  | 40       | AS0001            | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | A309   | 16/09/25 - 11/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100164  | 80       | AS0001,AS<br>P001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | A401   | 02/10/25 - 04/12/25 |         |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100143  | 80       | AS0001,AS<br>P001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | A401   | 02/10/25 - 04/12/25 |         |
| Giải tích 1          |           | 3  | 25C1MAT50803202  | 40       | ASP001            | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | A315   | 16/09/25 - 11/11/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018135 | 40       | ASP001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019135 | 40       | ASP001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 26/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154135 | 40       | ASP001            | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | E502   | 11/10/25 - 13/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |                   | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | A313   | 19/11/25 - 26/11/25 |         |
| Đại số tuyến tính    |           | 3  | 25C1MAT50803102  | 40       | ASP001            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | A316   | 16/09/25 - 11/11/25 |         |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TOÁN TÀI CHÍNH KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|----------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Giải tích 1          |           | 3  | 25C1MAT50803203  | 55       | FM0001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A401   | 17/09/25 - 12/11/25 |            |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100165  | 55       | FM0001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A313   | 19/09/25 - 14/11/25 |            |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100144  | 55       | FM0001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | A313   | 10/10/25 - 05/12/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018136 | 55       | FM0001 | 3   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 16/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019136 | 55       | FM0001 | 5   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 27/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154136 | 55       | FM0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | H001   | 06/10/25 - 08/12/25 | Đổi ph.học |
|                      |           |    |                  |          |        | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | A211   | 04/12/25 - 11/12/25 |            |
| Đại số tuyến tính    |           | 3  | 25C1MAT50803103  | 55       | FM0001 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | A401   | 17/09/25 - 12/11/25 |            |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH THỐNG KÊ KINH DOANH KHÓA 51 ĐHCQ + [CT TA BP] CHUYÊN NGÀNH THỐNG KÊ KINH DOANH KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|------------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Giải tích 1          |           | 3  | 25C1MAT50803204  | 55       | TK0001,TK<br>P001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A314   | 19/09/25 - 14/11/25 |         |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C1ECO50100163  | 55       | TK0001,TK<br>P001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A212   | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Luật kinh doanh      |           | 3  | 25C1LAW51100142  | 55       | TK0001,TK<br>P001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A309   | 06/10/25 - 01/12/25 |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 1 |           |    | 25C1ADM535018133 | 55       | TK0001,TK<br>P001 | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |         |
| Sinh hoạt lớp buổi 2 |           |    | 25C1ADM535019133 | 55       | TK0001,TK<br>P001 | 7   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 29/11/25            |         |
| Tiếng Anh tổng quát  |           | 4  | 25C1ENG513154133 | 55       | TK0001,TK<br>P001 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | E401   | 08/10/25 - 10/12/25 |         |
|                      |           |    |                  |          |                   | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | A401   | 06/12/25 - 13/12/25 |         |
| Đại số tuyến tính    |           | 3  | 25C1MAT50803106  | 55       | TK0001,TK<br>P001 | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | A309   | 19/09/25 - 14/11/25 |         |

**[CT TV] NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-----------------------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C1ECO50100173  | 40       | CT0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | A314   | 18/09/25 - 13/11/25 |            |
| Nhập môn tâm lý học               |           | 2  | 25C1BUS50326434  | 40       | CT0001 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A401   | 03/11/25 - 08/12/25 |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 1              |           |    | 25C1ADM535018124 | 40       | CT0001 | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2              |           |    | 25C1ADM535019124 | 40       | CT0001 | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 26/11/25            |            |
| Tiếng Anh tổng quát               |           | 4  | 25C1ENG513154124 | 40       | CT0001 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | E302   | 11/10/25 - 13/12/25 |            |
|                                   |           |    |                  |          |        | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A401   | 03/12/25 - 10/12/25 |            |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C1MAT50800109  | 55       | CT0001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | A313   | 16/09/25 - 11/11/25 | Hủy        |
| Toán ứng dụng                     |           | 3  | 25C1MAT50813227  | 40       | CT0001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | A313   | 16/09/25 - 11/11/25 | Bổ sung    |
| Triết học Mác LêNin               |           | 3  | 25C1PHI51002367  | 40       | CT0001 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | A309   | 16/09/25 - 11/11/25 |            |
| Tư duy thiết kế                   |           | 2  | 25C1TEC55005977  | 40       | CT0001 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | A316   | 18/09/25 - 23/10/25 | Đổi ph.học |

**[CT TV] CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯỜNG MẠI KHÓA 51 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|----------------------------------|-----------|----|------------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Kỹ năng nghe - nói cao trung cấp |           | 3  | 25C1ENG51313701  | 48       | AV0001            | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | A302   | 16/09/25 - 11/11/25 | Đổi ph.học |
| Kỹ năng viết cao trung cấp       |           | 3  | 25C1ENG51313901  | 48       | AV0001            | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | A303   | 09/10/25 - 11/12/25 | Đổi ph.học |
| Kỹ năng đọc cao trung cấp        |           | 3  | 25C1ENG51313801  | 48       | AV0001            | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | A309   | 17/09/25 - 12/11/25 | Đổi ph.học |
| Sinh hoạt lớp buổi 1             |           |    | 25C1ADM535018168 | 48       | AV0001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2             |           |    | 25C1ADM535019168 | 48       | AV0001            | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 26/11/25            |            |
| Văn phạm nâng cao                |           | 3  | 25C1ENG51314301  | 48       | AV0001            | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | A316   | 15/09/25 - 10/11/25 | Đổi ph.học |
| Đại cương văn hóa Việt Nam       |           | 2  | 25C1LAW51103801  | 48       | AV0001            | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | A316   | 07/11/25 - 12/12/25 | Đổi ph.học |
| Triết học Mác Lênin              |           | 3  | 25C1PHI51002374  | 96       | AV0001,A<br>V0002 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-407 | 20/09/25 - 15/11/25 | Đổi ph.học |
| Kỹ năng nghe - nói cao trung cấp |           | 3  | 25C1ENG51313702  | 48       | AV0002            | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | A212   | 16/09/25 - 11/11/25 | Đổi ph.học |
| Kỹ năng viết cao trung cấp       |           | 3  | 25C1ENG51313902  | 48       | AV0002            | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | A313   | 09/10/25 - 11/12/25 | Đổi ph.học |
| Kỹ năng đọc cao trung cấp        |           | 3  | 25C1ENG51313802  | 48       | AV0002            | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | A316   | 17/09/25 - 12/11/25 | Đổi ph.học |
| Sinh hoạt lớp buổi 1             |           |    | 25C1ADM535018169 | 48       | AV0002            | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2             |           |    | 25C1ADM535019169 | 48       | AV0002            | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 26/11/25            |            |
| Văn phạm nâng cao                |           | 3  | 25C1ENG51314302  | 48       | AV0002            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A313   | 15/09/25 - 10/11/25 | Đổi ph.học |
| Đại cương văn hóa Việt Nam       |           | 2  | 25C1LAW51103802  | 48       | AV0002            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A316   | 07/11/25 - 12/12/25 | Đổi ph.học |

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP           | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|----------------------------------|-----------|----|------------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Kỹ năng nghe - nói cao trung cấp |           | 3  | 25C1ENG51313703  | 48       | AV0003 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | A401   | 16/09/25 - 11/11/25 | Đổi ph.học |
| Kỹ năng viết cao trung cấp       |           | 3  | 25C1ENG51313903  | 48       | AV0003 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | A309   | 09/10/25 - 11/12/25 | Đổi ph.học |
| Kỹ năng đọc cao trung cấp        |           | 3  | 25C1ENG51313803  | 48       | AV0003 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | A316   | 17/09/25 - 12/11/25 | Đổi ph.học |
| Sinh hoạt lớp buổi 1             |           |    | 25C1ADM535018170 | 48       | AV0003 | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 17/09/25            |            |
| Sinh hoạt lớp buổi 2             |           |    | 25C1ADM535019170 | 48       | AV0003 | 6   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 28/11/25            | Đổi tg.học |
| Văn phạm nâng cao                |           | 3  | 25C1ENG51314303  | 48       | AV0003 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | E602   | 15/09/25 - 10/11/25 | Đổi ph.học |
| Đại cương văn hóa Việt Nam       |           | 2  | 25C1LAW51103803  | 48       | AV0003 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | E202   | 05/11/25 - 10/12/25 | Đổi tg.học |
| Triết học Mác LêNin              |           | 3  | 25C1PHI51002375  | 48       | AV0003 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | A401   | 20/09/25 - 15/11/25 |            |
| Kỹ năng nghe - nói cao trung cấp |           | 3  | 25C1ENG51313704  | 40       | AV0004 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | E402   | 16/09/25 - 11/11/25 | Hủy        |
| Kỹ năng viết cao trung cấp       |           | 3  | 25C1ENG51313904  | 40       | AV0004 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | E202   | 09/10/25 - 11/12/25 | Hủy        |
| Kỹ năng đọc cao trung cấp        |           | 3  | 25C1ENG51313804  | 40       | AV0004 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | E201   | 17/09/25 - 12/11/25 | Hủy        |
| Sinh hoạt lớp buổi 1             |           |    | 25C1ADM535018171 | 40       | AV0004 | 4   | 4  | 07g10 - 10g40 | ONLINE | 17/09/25            | Hủy        |
| Sinh hoạt lớp buổi 2             |           |    | 25C1ADM535019171 | 40       | AV0004 | 6   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLINE | 28/11/25            | Hủy        |
| Văn phạm nâng cao                |           | 3  | 25C1ENG51314304  | 40       | AV0004 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | E302   | 15/09/25 - 10/11/25 | Hủy        |
| Đại cương văn hóa Việt Nam       |           | 2  | 25C1LAW51103804  | 40       | AV0004 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | E604   | 05/11/25 - 10/12/25 | Hủy        |